

SỐ 1723

HUYỀN TÁN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Sa-môn Khuy Cơ soạn tại chùa Đại Từ Ân

QUYỂN 6 (PHẦN ĐẦU)

- Kinh: “Bấy giờ Phật muốn nói lại nghĩa này cho đến có một ngôi nhà lớn.”

- Tán: Đây là phần tụng, gồm một trăm sáu mươi lăm hàng tụng, chia làm hai:

1. Tám mươi bốn hàng tụng rưỡi, tụng lại pháp dụ ở trước.

2. Phật bảo Xá-lợi-phất: “Các thầy đều là con của ta, ta là cha của các thầy”. Tám mươi hàng rưỡi tụng này là đoạn lớn thứ ba, khuyên tin hiểu kinh này, vui mừng sẽ thành tựu được trí Phật.

Phần đầu có ba:

1. Sáu mươi lăm hàng rưỡi, tụng lời thí dụ trên.

2. Mười tám hàng tụng phần hợp nói trên.

3. Một hàng tụng kết nói trước. Đó là nhân duyên thật cầu trong mười phương, chẳng có thừa nào khác trừ Phật phương tiện.

- Trong sáu mươi lăm hàng rưỡi đầu, tụng phần dụ nói lại chia làm hai:

1. Năm mươi ba hàng rưỡi tụng về thí dụ quyền trước kia.

2. Mười hai hàng tụng về pháp thật ngày nay. Trong năm mươi ba hàng rưỡi lại chia làm bốn:

1. Nửa hàng tụng về dụ ba cõi Phật có.

2. Ba mươi hai hàng rươi, là tụng dụ nguy ách của năm đường.
3. Mười bốn hàng là tụng về dụ: Thấy lập quyền phương tiện.
4. Sáu hàng tụng: Dụ y theo lời dạy mà thoát nạn.

Nửa hàng tụng dụ ở văn xuôi có sáu ý nay chỉ có hai ý là chủ nhà và tướng nhà:

Trước nói có nhiều nhà ruộng, trong đây có một nhà lớn, là ba giải thích ở trên.

- Kinh: “Nhà đó đã lâu cho đến nền móng đều mục nát.”

- Tán: Đây là phần thứ hai có ba mươi hai hàng rươi tụng, về thí dụ sự nguy ách trong năm đường. Trong Văn xuôi có bốn, đây chia ra làm ba:

1. Ba hàng tụng về sự hư nát của ngôi nhà.
2. Nửa hàng tụng nói các rất nhiều người .
3. Hai mươi chín hàng, tụng tai ách xảy ra khắp nơi.

Đây không tụng phần thứ tư nói các việc các con vui chơi.

Trong phần một nói nhà cửa hư mục lại chia làm hai:

- Bảy câu tụng nói chung về ngũ ấm vô thường trong ba cõi.

- Năm câu nói riêng về nghĩa sắc thân vô thường, vô ngã bất tịnh.

- Nói nhà đã lâu cũ, nói theo chiều dọc thì thức uẩn từ vô thủy niệm niệm đều sanh diệt, cũng như sự huyễn gọi là lâu cũ. Nếu nói theo chiều ngang cũng thành tệ hại, chẳng phải dần dần mất. Xấu xa là mục nát, Tệ là hủ bại.

- Nhà phòng cao nguy là chỉ cho sắc uẩn vô thường. Vì lầu gác cao thì dễ sụp đổ. Nguy tất là không an, cũng như bọt nước không lấy gì làm chắc chắn. Các cột trụ đều gãy mục là chỉ cho hành uẩn vô thường, niệm niệm đều dời đổi hư hoại, khi nghiệp dứt thì chết là gãy mục, như cây chuối.

- Kèo cột nghiêng ngã: Là thọ uẩn vô thường, đã mất sự chánh thọ thì làm sao an ổn, giống như bọt nước.

- Nền móng nát rã: Cũng tức là hành uẩn nghiệp tư gọi là nền móng, vì để an trụ mạng căn . Hành nghiệp gồm nhiều pháp. Nghiệp quả cả hai đều khác nhau nên chia làm hai câu.

- Kinh: “Tường vách sụp đổ cho đến tạp uế rơi đầy khắp.”

- Tán: Đây là nói về tường vách sụp đổ là chỉ cho tướng uẩn vô thường.

Bảy câu trên nói chung về năm uẩn vô thường ở ba cõi tùy theo nơi có mà đều như thế.

Năm câu dưới là nói riêng về nghĩa sắc thân vô thường. Ba câu nói về vô thường, một câu nói vô ngã, một câu nói về bất tịnh. Do đó mà thành ra không. Bùn trát là dụ cho thịt.

Trong Du-già quyển mười chín trích dẫn bài tụng kinh chép: Có thành lấy xương cốt làm thành. Lấy gân cốt làm đồ tô điểm. Trong đó có tham nhuế, mạn phú, được nhậm trì. Từ Thị giải thích: Thành gọi là bát thức, đầy xương cốt gạch đá. Gân cốt là dây, thịt làm đồ tô điểm hình hài làm thành, có rào vây quanh. Trong thành này có bốn thứ ác pháp được gìn giữ, hai pháp do chúng tại gia khởi và tham, sân. Hai pháp do chúng ngoại đạo khởi là Mạn (kiêu mạn) và phú (che). Tại gia thì do tham đắm dục tương ưng với hành ác. Ở trong chánh pháp còn không tin thọ, hướng chi là có thể tu thiện. Nếu có người khuyên can liền sanh sân giận, ngoại đạo cậy theo ác nói pháp mà sanh kiêu mạn, không thể tự nhiên hướng về ngôi Tam bảo. Do che giấu không phát lộ ra các ác pháp, hướng là có thể tin hiểu mà tu các pháp thiện. Hai thứ tâm này thành còn không thể vào hướng là giữ lấy.

Kinh Niết-bàn cũng nói: Thân như là thành, có các thứ máu thịt xương cốt da ở trong đó, tay chân dùng để cầm dao mộc đối địch. Mắt là các lỗ khiểu. Đầu là giảng đường, tâm vương ở giữa cho nên lấy thịt làm đất bùn trát thành, da làm mái tranh, gân cốt làm cột xà. Trên là nói các pháp sắc thân vô thường.

“Bốn bề đều cong gãy” câu này dụ nói vô ngã. Trong nhà chung quanh có chướng ngại, uốn khúc khó vượt qua. Biết rõ là vô ngã. Nếu có ngã thì thuận nhất không có uốn khúc, cũng không có chướng ngại. Tụ ố khắp nơi là dụ cho bất tịnh. Như ba mươi sáu vật đầy khắp trong thân Cõi Dục. Do ba nghĩa này, nên cũng thành không.

- Kinh: “Có năm trăm người ở trong nhà đó.”

- Tán: Tụng nói mọi người rất nhiều.

- Kinh: “Chim xí, hiu, điểu, thú... cho đến... cùng bay nhanh đi.”

- Tán: Đoạn thứ ba có hai mươi chín hàng tụng. Tai nạn nổi lên các nơi, chia ra làm ba:

1. Mười bảy hàng rưỡi tụng nói chung về tướng các loài quỷ trùng cùng biến hóa ra.

2. Mười hàng rưỡi tụng nguyên nhân trùng quỷ tụ ố khởi lên.

3. Một hàng tụng kết thành các nạn trên. Nói chung các biến quái là tổng tướng của mười phiền não. Riêng nói khởi lên tức tướng hoặc trong Ba cõi.

- Văn xuôi nói tai họa nổi lên chỉ nói lửa đốt. Nay thêm loại trùng

quỷ để nói các điều ác, muốn khiến cho chúng sanh nhầm chán sâu xa, như tam độc cho đến chê trách nên lập các thứ trên.

Trong mười bảy hàng rưỡi lại chia làm ba:

1. Sáu hàng tụng về các thứ trùng độc chim quái. Có sự trì độn cho nên lấy làm dụ cho năm sử như tham v.v...

2. Mười hàng tụng nói về linh thần dị quỷ: Hơi nhanh nhẹn nên dụ cho ngũ kiến.

3. Một hàng tụng rưỡi là kết lại hai phần này.

Trong phần một này lại chia làm hai: Năm hàng rưỡi nêu riêng, nửa hàng kết ý nêu ra. Năm hàng rưỡi có năm ý:

- a. Nửa hàng dụ cho tham.
- b. Một hàng rưỡi dụ cho sân.
- c. Một hàng tụng dụ cho si.
- d. Một hàng tụng dụ cho nghi.
- e. Một hàng rưỡi tụng dụ cho mạn.

Đây là nói hai phần đầu.

Trong đây không phụ thuộc vào văn biệt giáo, chỉ có tương ứng các hành tướng tức là nghĩa phối hợp nhau. Thuận theo kinh xưa thì như vậy. Trong luận bốn không giải thích, vì lý chưa hẳn vậy, nghĩa phù hợp thì chưa hẳn là không đúng.

Tham ái có bốn:

1. Hiện hữu ái.
2. Hậu hữu ái.
3. Tham hỷ câu hành ái.
4. Hỷ, lạc mỗi thứ đều ái.

Ở đây đều căn cứ vào hành tướng riêng. Vì hiện có thể thấy. Chim xí, hiêu, điêu, thúu, như thứ lớp là bốn ái phẩm thượng: Các thứ quạ, chim thước, cừ, cấp như thứ lớp là bốn ái phẩm hạ. Hoặc tham tánh độn, tham hiện quái, tham đại lực, tham động thân, tham phi pháp, tham phát ngữ, tham thấp hèn, tham nặng về dâm, lần lượt hiện ra như thế. Tám thứ chim này lần lượt hiện ra các tham này, cho nên nêu ra làm thí dụ.

Dụ cho sân có mười một loại:

1. Ngoan: Âm là ngoan. Kinh Di Giáo giải thích là loại rắn ngắn màu đen. Trong Hán thư gọi là Huyền ngoan. Vĩ Chiêu giải thích là Huyền hắc, là loại rắn làm thuốc, là kỳ nhông, thần lằn. Con lớn dài ba thước. Sắc màu đen tía, khéo mê hoặc người. Gồm có bốn tên khác là: Vinh nguyên (kỳ nhông), Tích dịch (thần lằn), Yển diên (tắc-kè), Thủ

cung. Trong Ngọc thiên đều gọi là xà y (rắn thuốc), ở trong nhà là thủ cung. Ở dưới đầm trạch thì gọi là yển diên... Theo đây thì trong kinh Di giáo gọi là Hắc ngoan, mượn làm chữ xà. Nay giải chữ Ngoan có hai nghĩa:

1. Tích dịch.
2. Hắc đoản xà.

Thế nên trong kinh Di giáo nói: Rắn ngủ đã ra, mới có thể ngủ yên. Do đó kia nói không lầm, chỉ gọi là Hắc ngoan mà không gọi là Vinh ngoan. Có người nói loài trùng nước ác tánh, hoặc nói là long (rồng), thật ra thì không đúng. Kia vốn là chữ long chứ không phải là chữ ngoan.

2. Xà: Ngoài trên ra là bao gồm các loài rắn.

3. Phúc: Phúc xà: Loại rắn này dài ba tấc, đầu lớn bằng cánh tay, vùng Giang nam gọi trùng là phúc, có răng rất độc, trên mũi có kim. Còn gọi là phản tử xà, màu sắc như lụa hoa, dài khoảng bảy tám thước. Nếu cắn tay thì phải chặt tay. Loại này có nhiều ở vùng Lãnh nam.

4. Yết: Bò cạp.

5. Ngô công: Rít, có khi bắt rắn, thân sanh chân đỏ là loại lành.

6. Do diên: Một loài côn trùng chân dài có sừng. Ở Giang Nam thường gọi là Ngô công.

7. Thủ công: Thiểm Tây gọi là Bích cung. Trét máu vào tay của người nữ có tư tình, thì rửa không sạch, có thể dùng giữ cung nữ, nên đặt tên. Cũng có khi nói loài ở đá thì gọi là Tích dịch, ở đầm thì gọi là Yển diên, ở trong nhà thì gọi là Thủ cung. Gọi chung là Vinh nguyên.

8. Bách túc: Trăm chân.

9. Dứ: Chồn sóc (như loài chuột) cũng gọi là Sanh thử.

10. Ly: Là loài giả mèo: chồn, mèo hoang.

11. Hê thử: Trong Nói văn gọi là Tiểu thử (chuột nhắt). Trong Ngọc thiên nói có loài Thích độc ăn thịt người và các loài chim thú. Tuy đến chết mà vẫn không biết không đau. Trong Xuân thu gọi là loài ăn ngoài sừng trâu. Nay gọi là Cam khẩu thử. Các loài này phần nhiều độc hại, nên lấy đó để dụ cho sên. Tưởng chung của sên duyên với mười việc mà được sanh:

1. Thân mình.
2. Sở ái hữu tình.
3. Phi ái hữu tình.
4. Oán thân ở Quá khứ.
5. Oán thân ở Vị lai.

6. Ở oán thân hiện tại.
7. Cảnh không vừa ý.
8. Ganh ghét.
9. Thói quen trước kia.
10. Người thấy.

Tóm lại thì có một sân, mà biệt hành nêu ra có mười, phối hợp thành mười một. Năm thứ như phần hận v.v... trong tùy phiền não gọi là các thứ ác trùng. Gặp duyên sanh khởi thì gọi là ngang dọc xen đuối chạy. Lại có các thứ: Mảnh lợi sân, Bể não sân, Báo oán sân, Hiện tướng sân, Sân độc hại, Sân bất đoạn, Sân ganh ghét, Sân phiền não, Sân tư thiết, Sân tổn sát, Sân tiềm kế. Như thứ lớp phối hợp, ngang dọc đuối chạy là kết thúc phần sân ở trên.

- Kinh: “Nơi phân tiểu nhồm gớm cho đến mà nhóm họp trên đó.”

- Tán: Đây là dụ cho Si. Có ba mươi sáu thứ như phần uế v.v... Si tăng thượng nên các bấu vật mặc vào thân như các loài bọ hung cùng bu lại chỗ hôi thối mà không biết đó là bất tịnh. Đam mê ngu si sanh tử ở trong ba cõi mà khởi ra bảy mươi chín thứ gọi là trùng. Các loài này chẳng phải một, cho nên trong Luận Du-già quyển chín chép: Nơi hôi thối đó không thể ưa thích, đáng nhàm chán ghê tởm. Xú nghĩa là ác khí, nghĩa là hơi thở, mùi hôi.

- Kinh: “Cáo, sói cùng dã can cho đến Xương thịt văng bữa bãi.”

- Tán: Đây là dụ cho nghi.

Hồ (cáo): Trong Ngọc Thiên nói là loài quỷ tà, yêu thú nương vào cáo có ba đức. Màu sắc nó trung hòa. Trước nhỏ sau lớn. Khi chết sẽ giữ lấy đất.

- Dã can có màu vàng sanh như loài chó, chúng đi cả bầy cất tiếng kêu vang trong đêm, âm thanh như chó sói, ở trong hang động nơi núi sâu, hoặc cây cao lớn, thân hình loài cáo thì hơi lớn, dã can thì nhỏ. Hai hình thù lớn nhỏ khác nhau, cho nên trong Thiên kinh có nói: Thấy con dã hồ, lại thấy dã can, loài sói có thể phân biệt lo. Đây là vì những người nghi Tam bảo, Ba đời, Ba cõi, cho nên nêu ba đường này để thí dụ. Cấn thì gọi là tước. Dùng chân đạp thì gọi là tiền đạp. Gân cốt thì gọi là tề, làm tổn thương da thịt thì gọi là thiết... Do đây mà xương cốt rời rã nát tan. Nghi phát ra ở miệng cũng như là liếm nhai. Tâm nghi để lý như chân đạp. Nghi vào duyên pháp của khổ tập như cấn chỉ đến răng. Nghi kiến pháp diệt đạo như cấn bị thương da thịt. Do đây mà cửa sanh tử nhiều nương đầy dẫy.

- Kinh: “Do đó mà bầy chó cho đến biến trạng như thế.”

- Tán: Một hàng rươi tụng về kết thúc. Mạn có bảy thứ chín thứ gọi là bầy chó, thường do nghi sanh ra nên gọi là “Do đó. Chữ phược có nghĩa là đánh. Toát là nắm giữ. Bác là dùng tay đánh. Ngọc thiên gọi là phạ, là phủ. Toát là dùng tay nắm giữ, giải thích là toát tốt, nghĩa là tạm nắm giữ hết. Trong Ngọc thiên và Tứ khuê đều gọi là toát. Nghĩa là ba ngón tay chụm lại, ở đây không phải nghĩa đó. Giơ tay lên cao đánh người thì gọi là bác. Mong người thuận theo mình thì gọi là toát. Ty liệt mạn là cho mình không bằng người như là gầy yếu đói khát. Tâm tuy cao ngạo mà run sợ thì gọi là sợ sệt, tiếp xúc đủ các việc sanh ra gọi là “nơi nơi”. Tâm thường không thấy đủ như tìm thức ăn uống, đều là tướng ty mạn. Tâm khinh mạn người thì gọi là cấu xé. Thân khởi khinh mạn thì gọi là giành giật. Nghĩa là năm ngón tay xò ra chụp lấy. Ngọc thiên nói năm ngón giật lấy.

- Kinh: “Nơi nơi đều có cho đến ăn thịt người..”.

- Tán: Gồm mười hàng tụng nói về các thứ linh thần dị quỷ, dụ cho năm kiến, ở đây chia ra làm năm:

- Ba hàng rươi dụ cho tà kiến.
- Hai hàng tụng rươi dụ cho giới thủ.
- Một hàng rươi dụ cho thân kiến.
- Nửa hàng dụ cho kiến thủ.
- Hai hàng dụ cho biên kiến.

Trong phần đầu lại chia làm hai:

Một hàng dụ chung về tự thể của tà kiến.

Hai hàng rươi dụ về hành tướng sai khác.

Ly, mị trong Ngọc thiên gọi là lão vật tinh (loài vật tinh khôn). Thông tục thì cho các loài tinh quái, ở sơn trạch thì gọi là ly mị. Trương Bình Tử ở Tây kinh có bài phú: Loài sơn thần hình cọp thì gọi là ly. Thần trụ ở ao đầm có đầu như người, có đuôi thì gọi là mị.

Võng, lượng là loại biến quái ở trong cây đá. Trong Xuân thu và Ngọc thiên đều gọi là thần. Thêm Dạ-xoa, ác quỷ thì có năm thứ. Dụ cho tà kiến duyên bác bỏ ngũ môn. Duyên bát bỏ năm pháp, tâm tâm sở v.v... thì có năm hành tướng: nghĩa là chê bai nhân quả, tác dụng, thực sự và phi tứ kiến, các tà kiến khác làm tổn thương thiện pháp. Hủy hoại ruộng tốt không thể sanh trưởng, thì gọi là nơi nơi có tổn hại như ăn thịt người.

- Kinh: “Thuộc loại trùng độc... đều tự giấu gìn giữ.”

- Tán: Hai hàng rươi tụng về hành tướng khác nhau. Trong đó chia

làm hai:

- Một hàng do tà kiến sanh ra độn phiền não, lại do phiền não sanh ra tà kiến.

- Một hàng rười tụng: Do tà kiến sanh ra các ác kiến và các pháp bất thiện. Các thứ phiền não khác gọi là trùng thú phu nghĩa là tén. Trong Ngọc thiên gọi là lão phục, là trứng nứt ra, là sanh, là loại trứng hóa ra gọi là phu. Trong Quảng nhã gọi là phu sanh. Có nơi gọi là trứng gà ấp mà chưa nở.

- Nhũ: nghĩa là nuôi con. Ngọc thiên gọi là sanh sản tăng tiến, sanh dưỡng tạo nên. Do vật biến hóa ra thì gọi là sanh, sản cũng gọi là sanh. Chim ấp trứng thì gọi là phu, thú nuôi con thì gọi là nhũ. Do tà kiến nên thêm lớn phiền não như bú mớm. Sanh ra các phiền não thì cũng như là sanh sản tà kiến bác bỏ ngũ môn. Phiền não nên sanh trưởng riêng thì gọi là mỗi mỗi gìn giữ nghĩa là tư dưỡng. Hoặc thuộc các thứ trùng thú tà kiến, sanh trưởng phiền não thì gọi là tự giấu gìn giữ.

- Kinh: “Đạ-xoa đua nhau đến cho đến thật đáng sợ.”

- Tán: Nói rõ do tà kiến sanh ra các ác kiến và hành bất thiện. Các thứ ác kiến như là Đạ-xoa, ngày ngày thêm lớn gọi là đua nhau đến. Do khởi ra phiền não sanh ra các hành ác gọi là tranh giành nhau. Ăn nghĩa là nuôi lớn, cho nên thân hành ác đầy khắp thì gọi là ăn đã no. Tà kiến càng nhiều thì gọi là tâm ác càng mạnh, phát ra lời nói thành ra đấu tranh cãi vã. Ba nghiệp tà kiến hành ác, thêm lớn làm tổn hại nhiều thì gọi là thật đáng sợ. Cho nên do tà kiến mà sanh ra ba hành ác. Chẳng phải do tà kiến mà sanh ra thân ngữ. Nhân nơi thế lực sanh ra từ xa, cho nên gọi là nói.

- Kinh: “Quý Cưu-bàn-trà cho đến chơi đùa phóng dật.”

- Tán: Đây gồm hai hàng rười, tụng về giới thủ. Trong đây chia làm hai:

- Một hàng rười dụ hành tướng cho chung.

- Một hàng tụng dụ cho hành tướng riêng.

Nhưng các vị cổ sư trước không theo chánh văn, phần nhiều lấy theo Tiểu thừa để giải thích giới tướng. Nay theo nghĩa Đại thừa tân văn mà giải thích.

- Cưu-bàn-trà nghĩa là đáng sợ. Quý là chỉ cho giới thủ, là chấp nặng thuận theo vào các kiến giới, sanh ra không duyên các pháp khác. Như ngồi trên đất cứng. Nếu chỉ chấp vào giới làm nhân trên hết, mà sanh ra thủ gọi là cách đất một thước. Hoặc chấp thuận theo giới cấm là nhân tốt như một thước. Lại chấp làm nhân như hai thước. Giới thủ

phải có đủ hai tướng này. Nếu không thì thuộc về tà kiến. Không cần riêng phối hai thủ ở thượng giới, mà không nói các hoặc khác chung cả thượng giới. Tuy chấp vào ham Thích Cầu diệt quả xuất thế mà trở lại sanh vào trời người thì gọi là “qua”. Lại rơi vào đường ác thì gọi là “lại”. Thường đắm chìm trong sanh tử hư công khổ hạnh thì gọi là “đạo đi”. Chấp cho đó là trên hết trái với chánh đạo thì gọi là “buông lung”. Chấp làm chánh nhân nhiễm đắm sanh tử thì gọi là đùa giỡn.

- Kinh: “Năm hai chân của chó cho đến làm cho chó để vui.”

- Tán: Đây nói riêng hành tướng.

Hàng ngoại đạo câu Niết-bàn giải thoát, chẳng phải pháp thật thù thắng. Sanh tử đáng ghét, dụ như là loài chó. Đắc giới cấm kia thì dụ như hai chân, Niết-bàn, như chân chó, giới cấm khác nhau nên có hai. Hoặc chấp là thắng là nhân nên gọi là hai. Chấp vào giới cấm như nắm chân chó, chấp hành thuận với mình như nắm chân chó dốc ngược. Tuyên dương khổ hạnh về Niết-bàn kia để khai thị chúng sanh cũng như đánh chó kêu thất thanh. Mê đắm hoặc là giới hoặc là cấm có thể đưa đến Niết-bàn, như lấy chân chèn cổ chó vậy, lấy sự an xử này mà tu khổ hạnh để cầu Niết-bàn, nghĩa cũng giống như mê đắm vui chơi không xả bỏ. Tuy khổ mà cho là vui, lấy đó mà tự vui chơi nên gọi tự lạc.

- Kinh: “Lại có các quỉ cho đến kêu gào đòi ăn.”

- Tán: Đây là dụ cho thân kiến. Thân kiến câu sanh thường hành từ vô thủ, nên gọi là “cao lớn”. Phân biệt khởi lên cùng với tánh bất thiện vô tầm vô quý. Dụ như lửa hình. Chữ khỏa có nghĩa là lộ, là không có xấu hổ. Bị vô minh che lấp thì gọi là đen xấu. Cố chấp vào năm uẩn không hề tạm lìa thì gọi là “thường ở trong đó.” Các phiền não nhân đó mà khởi ngã ngữ thủ nhân đây mà sanh thì gọi là “phát hung ác”. Nơi nơi rộng khởi ngã kiến thãm nhuần thêm lớn gọi là “Kêu la tìm thức ăn”.

- Kinh: “Lại có các loài quỉ cho đến cỡ họng nhỏ như kim.”

- Tán: Dụ cho kiến thủ.

Đầu nó to như núi, cỡ họng lại nhỏ như kim nên không thể ăn uống. Kiến thủ cũng vậy, chấp vào các tự kiến là nhân là trên hết nên gọi là lớn như núi, không chấp nhận ý kiến người khác dụ như kim cực nhỏ.

- Kinh: “Lại có loài quỉ cho đến hoặc lại ăn thị chó ”

- Tán: Hai hàng tụng dưới dụ cho biên kiến.

Ở đây chia làm hai:

- Một hàng tụng dụ cho hành tướng chung.

- Một hàng tụng dụ cho hành tướng riêng.

Đầu nó như đầu trâu, đầu có hai sừng. Tức trong biên kiến bao gồm cả thường kiến, chấp đoạn.

Thường đoạn này nương vào ngã kiến mà khởi sau. Như y theo đầu trâu có hai sừng. Hoặc ăn thịt người là dụ cho chấp đoạn; tổn hoại gốc lành, do chấp đoạn hoàn toàn không chịu tu như ăn thịt người. Hoặc lại ăn chó là dụ cho thường kiến, không ngăn ngại sanh thiện, mà tổn hại ít nên dụ như ăn thịt chó.

- Kinh: “Đầu tóc rối loạn cho đến kêu gào bỏ chạy.”

- Tán: Dụ cho hành tướng riêng.

Do biên kiến này mà sanh ra bốn mươi bảy kiến trong sáu mươi hai kiến như tóc rối loạn. Do nơi kiến này mà làm điều trái pháp như ngoại đạo làm các việc tàn hại hung hiểm. Vọng kiến của ngoại đạo gọi là hung hiểm, là hung ác hiểm trở. Không lấy việc ăn chánh giáo và uống chánh lý để nuôi dưỡng tâm trí, như kẻ đói khát ép ngặt. Nội tâm đã vậy, ngoài phát ra lời chấp đắm như kêu la, thân gấp rút hành như “rong chạy”.

- Kinh: “Dạ-xoa nọ quỷ cho đến sợ hãi vô lượng.”

- Tán: Đây là kết thúc hoàn thành. Ngoại đạo khởi lên các thứ phiền não luống dối điên đảo, như loại Dạ-xoa nọ quỷ, ở chỗ thế tục khởi lên phiền não mê đắm vào vô trí như các loài ác điều đường ác.

Đây nói lại phần ở trên. Do khởi phiền não không đạt đến chánh lý, bản cùng không có trí tuệ, như đói khát bức ngặt. Tại thế tục khắp sanh bốn vị: sanh, già, bệnh chết. Nơi nơi đều gặp ác duyên vì đó mà hoặc sanh ra, như đói chạy gấp trong bốn hướng. Ngoại đạo không thể nhìn đúng cửa chánh nhân Niết-bàn, vọng hành trì khổ hạnh mà quán xét chánh lý, như nhìn qua song cửa không thể hành đúng. Các ác nạn sợ hãi như thế có vô lượng. Đây là nói lược về khổ hoặc. Các nạn còn như vậy, huống chi các nghiệp ác, theo lý thì thí dụ đâu thể hết. Chữ khuy là nhìn là thấy chút ít.

- Kinh: “Nhà đó hư mục cho đến lửa phát cháy hừng hực”.

- Tán: Mười hàng tụng rưỡi nói lý do tạp nghiệp khởi dậy của loài quỷ trùng. Đây có ba:

1. Hai hàng tụng nói chủ ở nhà đó không xảy ra tại họa.

2. Một bài nói lý do lửa phát cháy, nhà cửa hư sụp.

3. Bảy hàng tụng rưỡi nói sự nhiều nhưong phát tán của loài trùng quỷ.

Phần đầu. Ý nói nhân vị của Bồ-tát tại nhà và thành Phật tại thế

gian, làm lợi vật thì phiền não sanh tử tai nạn đều dứt, Phật nhập Niết-bàn, Bồ-tát ẩn mất. Từ đó các tai nạn phiền não sanh ra, cũng do chủ ở tại nhà mà nghiêm trì khuyên bảo con cái để cho tai nạn không sanh ra. Chủ nếu rời nhà thì không có người tu bổ nhà cửa, không dạy bảo khiến con cái buông lung nên tai nạn khởi lên làm cho nhà cửa sụp đổ. Nhà Ba cõi khi Phật còn hiện tiền thì tai nạn không sanh ra. Do Phật không có ở đời nên tai họa dấy khởi, tức phụ thuộc ở một người. Đấy chính là dụ Phật, Bồ-tát vậy. Không do ngoại đạo mà chỉ do có Phật pháp nên nói một người. Lại thuộc có nghĩa là nhiếp thuộc, Ba cõi đều là sở hữu của Phật. Nói Phật là Giáo chủ, tất cả đều thuộc về Phật, Phật sắp nhập Niết-bàn, ẩn lìa cõi Ba cõi, nên gọi là vừa mới ra như ngôi nhà không có chủ. Hốt nhiên lửa nổi lên. Đây dụ cho các thứ phiền não làm tổn hại thân khí thế gian. Như lửa phá nhà, nên dùng chữ thuộc. Không có nguyên nhân mà có, tức là hốt nhiên lửa nổi lên. Từ sanh cho đến chết đều khởi các xúc nên gọi là bốn phía nhất thời. Do đây mà phát sanh ra vô lượng ác nghiệp, nên gọi là “Lửa phát cháy hừng hực).

- Kinh: “Rui mèn cây cột... tường vách đều nghiêng đổ.”

- Tán: Do lửa nổi lên thiêu đốt mà nhà cửa cháy rụi. Đòn tay là thọ uẩn rui mè là sắc uẩn. Bộc thanh (tiếng nổ) là dụ cho sanh khổ, chữ bộc là cháy dữ dội.

- Rung chuyển rã nát là dụ cho lão khổ. Chấn là rung chuyển lão khổ ở tại thân như sấm sét làm cho kinh động, thật là đáng sợ.

- Nát gãy là dụ cho bệnh khổ. Gãy tàn phá thân mạng, làm suy tàn sức lực trẻ trung.

- Rơi rớt là dụ cho tử khổ, phá hoại sự tuổi thọ. Sanh già bệnh chết và cột trụ hợp là hành uẩn vô thường, nó ở sau ba uẩn và trước tướng uẩn.

- Nói bốn tướng đó là ý nói sanh già bệnh chết biến khắp năm uẩn. Tường vách xiêu đổ dụ cho tướng uẩn trong ngoài vô thường. Trên là bốn uẩn vô thường: Thọ, sắc, hành, tướng, Thức uẩn tức ở nhà. Trong văn trước đã nói trong nhà có lửa phát lên là nói chung năm uẩn có sanh già bệnh chết vô thường bại hoại, thật sâu xa có thể nhằm chán.

Hỏi: Trong nhà có nạn lửa, đều là phiền não. Vì sao có lúc nói là lửa, lúc nói là trùng quỷ?

Đáp: Ép ngặt thiêu đốt thân tâm nên dụ là lửa. Không biết được sự tổn hại nên thí dụ là trùng quỷ. Đều muốn kinh sợ nhằm chán, nên nêu ra các thí dụ. Thức là sở y, dụ đó là nhà. Phiền não y theo đó mà khởi lên dụ là lửa trùng, bốn uẩn đều là năng y nên nói do lửa đốt mà

gãy đổ rơi rớt, không thể nói trùng quỷ cũng y theo lửa mà chơi.

- Kinh: “Các thứ quỷ thần cho đến không thể tự đi ra cho đến”

- Tán: Bảy hàng rươi tụng về sự nhiều như rừng của trùng quỷ. Có ba: Một hàng rươi dụ cho tai họa trong Cõi Dục. Ba hàng rươi dụ cho tai họa ở Cõi Sắc. Hai hàng tụng rươi dụ cho tai họa ở Vô sắc. Phần đầu nơi các quỷ thần đó là dụ cho các chúng ngoại đạo, xuất gia. Tại gia người thế tục ở Cõi Dục bị các khổ ép ngặt bèn cất tiếng kêu lớn cũng như các loài trùng thú. Cho nên trong Luận Thập Địa chép:

- Ngoại đạo biết sanh già bệnh chết mà sanh nhằm chán, cho nên cất tiếng kêu lớn. Nay có cả tại gia. Lại ở tại gia mà khởi lên tham, sân, si... tranh đấu. Ngoại đạo khởi lên các tà kiến rồi tranh đấu, cất tiếng kêu lớn. Đây là câu tổng kết. Do đó mà khởi ra các độn phiền não như tham... như các loài chim điểu, chim thú v.v... Do khởi ra tà kiến mà phát ra lợi sử phiền não như Cừ-bàn-trà... đây là câu biệt. Tuy bị khổ ép ngặt kêu to, mà tục nhân tại gia do si ái mà sanh ra phiền não. Hàng xuất gia ngoại đạo lấy khổ muốn xả khổ. Đây đều gọi là bị bao vây trong vòng lo lắng sợ hãi không thể ra được. “Sảng sốt” có nghĩa là hoảng hốt bất an. Có lo sợ nên lo lắng, có lo lắng nên muộn phiền. Bồ có nghĩa là kinh sợ, là kinh sợ ép ngặt vậy. Đây là y theo câu “Cất tiếng kêu to” mà giải thích. Nếu y theo cách giải thích sau giải thích thì thế tục và ngoại đạo khởi ra hoặc lợi độn đấu tranh. Vì đây mà vội vàng đến nơi sanh tử này mà lo sợ ngày đêm. Đâu biết là do lửa hoặc thiêu đốt, các loài trùng đáng làm thương hại, mà cầu mong ra khỏi. Nếu có muốn ra cũng không thể được.

- Kinh: “Đường ác độc trùng cho đến cũng ở trong hang đó.

- Tán: Ba hàng tụng rươi dụ cho tai họa Cõi Sắc. Ở đây có ba:

- Một hàng tụng dụ cho người tục ngoại đạo cùng sanh về cõi kia.

- Một hàng tụng dụ: Tuy là có cõi Tịnh định chiết phục phiền não mà phiền não cũng khởi trở lại.

- Một hàng tụng rươi dụ: Cầu làA-dục mà chấp vào cõi kia là trên hết, mà phiền não lại sanh .

Đây là phần đầu: Định sâu trong cõi Sắc dụ như hang sâu. Người thế tục sanh về cõi kia như trùng. Hàng ngoại đạo, quỷ cũng sanh vào đó, nên nói là cũng trụ,

- Kinh: “Bạc phước đức cho đến uống máu ăn thịt.”

- Tán: Đây là dụ: Tuy có tịnh định chiết phục phiền não, nhưng phiền não lại khởi. Bạc Thánh có tịnh định nên phiền não không sanh.

Kia tuy có tịnh định mà không có phước tuệ chân thật nên gọi là phước đức kém. Lại bị các phiền não tham, sân, si, mạn, thân, kiến, biên kiến thiêu đốt, nên gọi là bị lửa đốt ép ngặt. Vì không thể diệt trừ các phiền não này, nên kiến thủ, phiền não vẫn đều khởi lên trái khuấy bài xích nhau nên gọi là tàn hại lẫn nhau. Chấp cho là đạo mình hơn như là uống máu duyên vào các kiến nhỏ nhiệm. Khởi ra giới thủ chấp chặt như là ăn thịt, duyên vào các sự thô.

- Kinh: “Thuộc loại dã can... bốn mặt đầy khắp.”

- Tán: Tuy cầu là A-dục mà chấp kia cho là thù thắng, nên phiền não lại sanh ra. Loài dã can là thuộc phiền não nghi ở cõi Dục.

- Đều đã chết đó: Trước tiên là phục đoạn, do lấy định là cao quý, mà ở trong Cõi Sắc khởi ra các thứ phiền não là ái, kiến mạn nghi... gọi là đại đường ác. Các loài này lần lượt thêm lớn như tranh nhau đến ăn. Hoặc do lửa đã phát cháy cùng khắp. Từ định sanh ra hoặc nên không thể yêu thích như khói tanh. Biến sanh trong tứ định, không chỗ nào không có, nên nói phủ biết bốn bề.

- Kinh: “Loài ngô công do diên... liền bắt lấy mà ăn.”

- Tán: Hai hàng tụng rưới dụ tai họa Cõi vô Sắc.

- Một hàng tụng rưới tụng về hoặc trong ba địa.

- Một hàng tụng dụ sanh hoặc của địa Hữu đẳng. Các thứ Ngô công là dụ cho hàng phàm phubị lửa hoặc Cõi Sắc thiêu đốt, cầu sanh về Vô sắc như ra khỏi hang huyết. Chúng sanh trong ba cõi dưới... như quỷ Cưu-bàn-trà là dụ cho chúng ngoại đạo kia. Ngoại đạo phần nhiều chấp vào hai địa trên cho đó là cảnh Niết-bàn, bác bỏ phàm phu không chấp làm Niết-bàn diệu thắng, do như phàm phu khởi ra tà hoặc như quỷ trông thấy loài trùng liền tùy ý bắt ăn. Ăn đây có nghĩa là nuôi lớn, đuổi theo kia sanh nghiệp thêm lớn.

- Kinh: “Lại có các nạ quỷ... sảng sốt chạy quàng lên.”

- Tán: Đây là dụ cho phiền não Hữu đẳng. Sanh vào ngoại đạo kia thì gọi là nạ quỷ, Tam hữu đẳng thì gọi là “trên đầu”. Phiền não sanh lại gọi là lửa cháy. Không ăn theo chánh giáo, pháp nước... thì gọi là đói khát. Phiền não ép ngặt như là nóng bức. Thường không được an ổn gọi là sảng sốt. Chu chương có nghĩa là trôi khắp, chìm vào năm cõi thú gọi là chạy quàng lên, buồn bã.

- Kinh: “Nhà lửa như thế... các nạn chẳng là một”.

- Tán: Văn này kết nói các nạn ba ở trên.

- Kinh: “Chủ nhà lúc đó, đang đứng ngoài cửa.”

- Tán: Đoạn lớn thứ ba có mười bốn hàng tụng, là dụ thấy thiết

lập quyền phương tiện. Văn xuôi có bốn: Trong đây cũng vậy. Ba hàng tụng đầu là dụ thấy khổ sanh lòng bi. Năm hàng tụng kế dụ không cầu Đại thừa. Ba hàng tụng tiếp suy nghĩ tìm cách cứu khổ. Ba hàng tụng sau là chánh nói về Ba thừa.

Văn đầu có hai:

- Hai hàng tụng thấy khổ.

- Một hàng tụng sanh lòng bi.

Trong phần thấy khổ, hai câu đầu là dụ cho Phật ra đời trong ba cõi. Một hàng tụng rưỡi nói lại nghe chúng sanh có nạn khổ càng khởi lòng từ bi.

Chủ đó nghĩa là thân vậy, là thượng là điển, là cảnh là thủ. Môn có hai thứ: Một là giáo môn, hai là hành môn. Phật trụ trong quả đã ra ngoài nhân môn. Tức là vị ở diệu lý, cũng là lý ra ngoài giáo môn, tức môn Nhất thừa. Cho nên nói ngoài cửa. Do trong Văn xuôi nói: “Ta tuy có thể từ cửa của nhà bị cháy mà ra an ổn...”.

Nay nói đứng ở ngoài có bốn nghĩa:

1. Đứng đó tự như đợi con ra khỏi nhà.

2. Tựa như sắp đi. Sắp đi vào cứu con nên gọi là đứng ở ngoài cửa.

3. Đứng: Là tướng không đi, tức đợi căn cơ thuận thực mà vì cứu giúp nên chưa đi ngay.

4. Đứng: Có nghĩa là khởi thành tựu chúng sanh ở trong sanh tử chưa khởi chưa thành Phật nên như là ngồi. Phật đã khởi mà lại thành, cho nên nói đứng.

- Kinh: “Nghe có người nói... ưa thích mê đắm.”

- Tán: Đây là nghe chúng sanh ở nơi các nạn.

Phần Văn xuôi nói: “Trưởng giả thấy lửa cháy lớn.” Trong phẩm phương tiện nói: Ta dùng Phật nhãn quán xét. Nay, nói nghe người nói có hai nghĩa: Một là: Nói rõ về tự tha ảnh hưởng không chỉ thấy chúng sanh chìm trong cảnh khổ, mà cũng nghe Chư Phật ba đời đều truyền nói về các tướng thân sơ. Hai là: Mắt thấy khổ sanh gân gõi, cho nên gọi kiến pháp đợi căn cơ. Vì cứu giúp xa nên gọi là “nghe nói”. Từ vô thỉ, đến nay do buông lung buông lung mà khởi ra phiền não phân biệt nên nói: Trước đây vì dạo chơi mà chịu khổ quả trong Ba cõi, gọi là: “Lại trở vào nhà lửa này.” Do hoặc nghiệp từ vô thỉ đến nay, cảm nơi thức v.v... Trái với lý chân thật gọi là “vào đến”. Nhập có nghĩa là xứ, chẳng phải trước đã ra, nay mới gọi là vào, kia đã tu giải thoát phần tức là ra do vì không tu nên gọi là vào. Chủng tánh Ba thừa chưa phát ra

hiện hành. Nếu có phát đại tâm mà thoát cầu tiểu quả gọi là thơ bé là ấu trĩ là ấu nhược (nhỏ bé). Ngu si che lấp thì gọi là vô trí. Khổ quả ở đây là do phóng dật lục tình, gọi là ham vui, tham nhiễm các cảnh thì gọi là ưa đắm.

- Kinh: “Trưởng giả nghe rồi.. khiến không bị thiêu hại.”

- Tán: Tụng này là dụ sanh lòng bi. Vì khởi lòng từ bi vào nhà cứu thì gọi là kinh. Thuận theo sanh tử gọi là vào nhà lửa. Do vào trong nhà này nên sau đó cùng con tìm cách thoát ra. Ra vào cứu khổ không nghĩ khó khăn thì gọi tùy nghi cứu tế, ứng thời cứu khổ.

- Kinh: “Dụ bảo các con... nối tiếp không dứt.”

- Tán: Năm hàng tụng: không cầu pháp Đại thừa.

Đây có hai:

- Bốn hàng tụng, thậm nói về các sự khổ để trao pháp Đại thừa.

- Một hàng tụng không sợ giữ Đại thừa.

Bốn hàng lại chia ra hai:

- Một hàng rưới tụng: Nói chung: hoặc khổ hoàn sanh lại.

- Hai hàng rưới tụng về ác xứ khiến cho nhàm chán. Phần đầu nói các thứ hoạn nạn là: nhà hư nát bị lửa cháy. Các thứ trùng quỷ nhiều nương bán loạn. Ác quỷ là chỉ các kiến hoặc của ngoại đạo. Độc trùng là chỉ các dư hoặc của bạch y. Hai thứ này là duyên vào tất cả phiền não sanh ra họa lửa cháy mãi không dứt.

- Man diên là chỉ cho đáng mạo liên tục cũng như cỏ man kéo dài liên tục không dứt. Do từ nhà lửa sanh ra nên gọi là man diên. Nhân nơi nhà lửa bị hủy hoại nên gọi là khổ. Thứ lớp liên tục không dứt. Ý này nói rõ nhân nơi hoặc sanh ra khổ. Trong duyên sanh vô minh duyên hành mà sau có năm thức... ái, thủ, hữu duyên mà saucó sanh lão tử. Nhân khổ mà sanh ra hoặc, sanh tử nối tiếp không đoạn tuyệt. Do xúc thọ mà sau có ái thủ. Do lão tử mà sau lại hoàn có vô minh. Cho nên gọi sanh tử là luân chuyển.

- Kinh: “Loại độc xà nguyên phức... huống chi là lửa lớn.”

- Tán: Đây là nói riêng.

Độc xà là chỉ cho sân, Dạ-xoa là ác nghiệp. Cừu-bàn-trà là giới thủ vậy. Dã can là chỉ cho nghi. Cầu chỉ cho mạn. Điều thứ là tham ái. Các thứ trăm chân như thế là chỉ cho các thứ phiền não. Đã thiếu pháp thực, đói khát nên sanh phiền não. Não đưa đến phân loạn thật là đáng sợ, đều là do hoặc tướng này. Đây là xứ sở khổ nạn cực ác. Đã không có gì là vui. Huống chi nhân của đại hỏa cảm lấy quả cháy nhà, ngày đêm ép ngặt, thì sao còn tham muốn. Hoặc lại có các phiền não như thế, các

loài trùng quỷ nhiều như ong. Khổ về tướng ác đã là nạn xứ. Huống chi đây là tổn hại về thiêu đốt. Trùng quỷ tức là lửa, sao lại khác nhau.

Nạn xứ có hai nghĩa:

1. Nơi khó có thể an, Kinh Thi nói: Chẳng phải nơi ta ở nhân cư là an ổn vậy.

2. Xứ sở khổ nạn.

- Kinh: “Các con không biết... vui chơi mãi không thôi.”

- Tán: Bài tụng này nói không mong cầu Đại thừa.

- Kinh: “Bấy giờ, trưởng giả... ta cùng sầu não cho đến”

- Tán: Đoạn thứ ba có ba hàng tụng. Nghĩ đến phương cách cứu khổ có hai: Một hàng tụng: Tâm từ bi càng chuyển sanh.

Hai hàng tụng sau là chánh suy nghĩ cứu khổ.

Hàng đầu: Chúng sanh do chịu khổ mà phiền não thêm lớn, Bồ-tát càng chuyển tâm từ bi.

- Kinh: “Nay nhà này... lập ra các phương tiện.”

- Tán: Chánh suy nghĩ cứu khổ.

Đam có nghĩa là đam mê vui chơi.

Miến là say loạn.

Hỷ hý là buông thả.

Các điều khác có thể biết.

- Kinh: “Bảo với các con rằng... các thứ xe diệu báu.”

- Tán; Ba hàng tụng của đoạn thứ tư, chánh nói về Ba thừa. Dự chia làm ba:

- Một hàng tụng nói chung về việc cho xe.

- Một hàng tụng nêu các thứ xe ở ngoài.

- Một hàng tụng nói tùy theo xe cho.

- Kinh: “Xe dê xe hươu... các con mau ra.”

- Tán: Nêu các thứ xe đang ở ngoài.

Quả ở ngoài cửa nhân, lý vượt ngoài giáo. Cho nên nói: Ra ngoài cửa. Thế xe vô lậu không ràng buộc gọi là ngoài. Hoặc lìa Ba cõi không có chỗ thi hóa, ở ngoài môn Ba thừa. Phật đang trụ ở ngoài nhà, nên gọi con ra, nghĩa như trước đã giải thích.

- Kinh: “Cha chính vì các con... có thể dạy chơi.

- Tán: nói chỗ tùy theo của xe.

Đảo châu báu Niết-bàn là vô vi. Trước đã có, không nói là ta làm, xe là Bồ-đề, thể là hữu vi cho nên nói làm. Làm có nghĩa là khởi, xe trâu là chủng trí, do giáo hạnh sanh nên nói là làm. Hai xe trâu dê là giáo phương tiện lập ra. cũng nói là ta làm. Tuy đều cùng làm mà xe

trâu là Thế, xe dê nai là danh. Cho nên đều là làm. Tùy căn cơ mà cứ gọi là “Tùy ý các con ưa thích.”

- Kinh: “Các con nghe nói... lìa hết khổ nạn.”

- Tán: Đoạn thứ tư có sáu hàng tụng rưỡi. Tụng y theo cha nói mà tránh nạn chia ra hai:

1. Một hàng tụng rưỡi nói các con tránh nạn.

2. Năm hàng nói tâm cha an ổn. Phần đầu, liền tranh nhau chạy ra. Đây là khuyến khích nỗ lực.

Chạy mau ra là tinh tấn dũng mãnh.

Đến chỗ đất trống đó là tùy theo sở ứng, lìa tam chướng, ở nơi đất nhĩ không. Tức là người Nhị thừa vô học và nhập Sơ địa, ra khỏi khổ nạn phần đoạn sanh tử vậy, là không sanh lại. Ác quả gọi là khổ, ác nhân gọi là nạn.

- Kinh: “Trưởng giả thấy con... ta nay rất vui mừng.”

- Tán: Năm hàng tụng. Tâm cha an ổn. Chia ra có hai:

Một hàng tụng rưỡi thấy rồi thì tự vui mừng.

Ba hàng tụng rưỡi: Lòng cha vui mừng bảo với mọi người.

Ngã tư đường là dụ cho lý là chỉ cho tứ đế. Con đã ra khỏi đang trụ ngã tư đường, cha bèn ngồi vào tòa Sư tử, đắc vô úy. Đây là tiêu biểu cho tâm an. Do đây mà tiếp nói: Các con biết cha an tọa tòa Sư tử. Cho nên biết tòa Sư tử là chỗ cha ngồi. Cha rất thích ý nên nói rất vui mừng. Tức nói xưa đã đắc quả Bồ-đề. Sau sanh ra vẫn còn ở trong nhân nói pháp độ sanh. Nói về sắp cứu giúp. Nghĩa này cũng đồng với việc sắp cứu độ mà đợi các con. Cho nên nói đứng. Nay quả con đầy đủ đã ra khỏi nhà lửa. Cha không đứng đợi, tâm an ổn ngồi vào tòa.

- Kinh: “Các người con này... bốn phía cùng khởi lên.”

- Tán: Ba hàng tụng rưỡi vui mừng bảo với mọi người. Chia làm hai:

1. Hai hàng tụng nói các con xưa ở trong khó khăn.

2. Một hàng tụng rưỡi, Ta nay cứu xong nên được an tâm.

Gốc lành khó khởi thì gọi là sanh nuôi khó. Nuôi là nuôi lớn, vô minh lớn che mà thì gốc lành không có Đại thừa nên gọi là nhỏ đại không hiểu, chìm đắm trong Ba cõi thì gọi là vào nhà hiểm nạn. Hoặc xưa từng được giáo hóa mà nay đã quên, nên gọi là Tiểu thừa vào nhà lửa. Bôn ba trong thế tục như nhiều loài trùng độc. Bọn ngoại đạo tà học như ly mị đáng sợ. Phiền não xí thịnh như lửa dữ gặp duyên thì phát cháy, bốn phía đều cùng khởi.

- Kinh: “Mà các con này... ta nay vui mừng.”

- Tán: đây nói: Ta nay cứu được các con nên được xứng tâm, vui mừng. Lại bảo mọi người biết ý mình rất vui.

- Kinh: “Bấy giờ các con... ba thứ xe báu lạ.

- Tán: Trên có năm mươi ba hàng rưỡi tụng ở trên. Xưa nói quyền phương tiện, từ đây trở xuống. Mười hai hàng tụng nay nói thật. Phần Văn xuôi có bốn: Nay đây cũng như vậy.

- Ba hàng tụng đầu nói các con xin ba xe.

- Một hàng rưỡi tụng giải thích chí của cha thành tựu.

- Sáu hàng tụng: Cha chỉ cho một xe.

- Một hàng rưỡi cuối: Vượt hơn ý của con. Trước sau đều khác nhau.

Ba hàng đầu lại chia làm hai:

- Một hàng tụng rưỡi nêu việc xin ba xe.

- Một hàng tụng rưỡi nói lại cha trước đã hứa cho.

Hiểu được ý của cha không còn lo lắng. Cho nên nói: Biết cha an tọa.

- Kinh: “Như trước cha đã hứa... xin nguyện cấp cho.”

- Tán: Nói lại lời hứa của cha, nên dám trông mong cha. Người học đương cơ nguyện Phật ban cho. Chữ Duy là cú mong. Cúi mong lời cha, dùng câu Ba thừa.

- Kinh: “Trưởng giả giàu có lớn... tạo ra các xe lớn.”

- Tán: Phần thứ hai: giải thích thành tựu chí của cha, trưởng giả giàu có rất nhiều của báu hữu vi vô vi, chu cấp cho một nước dùng cũng không hết, hưởng chi là các con, cho nên lấy trân báu làm thành một xe lớn. Dạy các con tu tập quả đầy đủ cả đời.

Tóm lại: Tất cả vô lậu chủng trí năm uẩn là tướng của xe này. Bỏ sắc uẩn vô thường thì đắc được thường sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Nếu nói chân như là thể của xe này thì đó chính là đảo châu báu. Vì sao lại nói làm. Hóa thành lập ra cũng có thể nói là ta hóa làm. Há nói đảo châu báu cũng là làm? Xe trâu đã làm là nói rõ thể Bồ-đề.

- Kinh: “Tu sức trang nghiêm... các nơi đều rủ xuống.”

- Tán: Đoạn thứ hai có sáu hàng tụng: Cha chỉ cho một xe. Đây chia làm bốn:

1. Bốn hàng tụng các tô điểm.

2. Một hàng rưỡi tụng tướng trâu.

3. Nửa hàng tụng người tùy theo.

4. Nửa hàng tụng nêu chung cho xe.

Phần một có chín món trang nghiêm.

Trong đây có sáu:

1. Tổng nghiêm.
2. Lan thuần: Chấn song, lan can.
3. Phong đặc (phong linh).
4. Giao lạc (dây vàng xen thất lại).
5. Man cái (lưỡi mảnh kết châu báu)

6. Hoa anh: Dùng hoa vàng làm tua để tô điểm, nên gọi là hoa vàng các chuỗi...

- Kinh: “Các màu tô điểm đẹp... để che ở trên.”

- Tán: Đây có ba thứ trang nghiêm. Các lụa mềm mại, đệm cỏ lấy cỏ đệm thành hoa hoặc lấy cỏ làm đệm. Trong Ngọc thiên gọi là y thân (thân áo). Và lót ngòai tức thay thế gối đỏ. Văn xuôi lấy diệt định làm chỗ dựa nghỉ mệt, đây dùng khéo léo trí dụng khắp mạng trên đệm cỏ, nên dụ là lót ngòai, nghĩa tùy chỗ đối đãi có khác mà cũng không mâu thuẫn nhau.

Các thứ này có sáu đức:

1. Thần dụng vô phương nên gọi là thượng diệu.
2. Nhỏ nhiệm thâm mật khó biết thì gọi là tế.
3. Tích công chứa hạnh dùng làm nhân hoa tu tập thành tựu thì gọi là điệp.

Điệp là loại vải dệt bằng lông nhỏ. Nay thì lấy điệp hoa dệt làm vải.

4. Vượt xa tất cả thần đức khó nghĩ bàn gọi là giá trị nghìn ức.
5. Tự tánh lắng đọng rõ ràng thì gọi là trắng mới.
6. Thể lìa hai chướng gọi là tịnh khiết. Dùng sáu đức trên làm trí diệu dụng ở sau, trùm khắp trong tịnh mạng gọi là trải trùm trên nệm.

- Kinh: “Có trâu trắng to lớn cho đến để kéo xe báu.

- Tán: Tượng trâu có bốn đức.

1. Trâu trắng.
2. Mập khỏe tức da dẻ sung mãn.
3. Sức lực.
4. Đẽp đẽ.

- Kinh: “Nhiều người đi theo cho đến đồng ban cho các con.”

- Tán: Nửa hàng trên tụng về khách theo.

Nửa hàng dưới là nói cho. Trong Ngọc thiên nói là dẫn đường. Ra tiếp khách thì gọi là tân. Vào tán lễ thì gọi là tướng. Lại nói là tân tiến (tiếp khách) là trần (trình bày). Nay dẫn đầu gọi là tân, tùy theo sau thì gọi là tụng, tướng mạo của xe này cũng đồng như Văn xuôi.

- Kinh: “Các con lúc ấy... tự tại vô ngại.”

- Tán: Đoạn thứ tư nói vượt xa ý muốn các con.

Đạo chơi bốn phương là dụ cho việc hóa độ tứ sanh, đắc trí giác, cho nên hớn hở, đắc diệt lý cho nên rất vui, đắc thần thông cho nên tự tại, lìa các chướng nên không ngăn ngại. Hoặc tự tại có mười: 1. Tài; 2. Tâm; 3. Thọ; 4. Nghiệp; 5. Sanh; 6. Thắng giải; 7. Nguyên; 8. Thần lực; 9. Pháp; 10. trí.

Như các chỗ khác nói thì có bốn tự tại: 1. Tướng; 2. Độ (cõi, đất); 3. Trí; 4. Nghiệp. Các nghĩa này đều giải thích được.

- Kinh: “Bảo với Xá-lợi-phất cho đến là cha của thế gian.”

- Tán: Sáu mươi lăm hàng rười ở trên là tụng về phần dụ nói. Từ đây trở xuống mười tám hàng tụng là hợp nói. Ý theo trước thì có hai:

1. Mười một hàng tụng hợp với quyền trước.

2. Bảy hàng tụng hợp với thật pháp nay.

Hợp quyền xưa có bốn phần:

1. Một hàng tụng, hợp nói Ba cõi, Phật có.

2. Ba hàng tụng năm đường nguy vọng.

3. Năm hàng tụng rười là hợp nói : Thấy khổ thiết lập phương tiện.

4. Một hàng rười tụng hợp theo lời cha nói mà thoát.

- Kinh: “Tất cả chúng sanh... không có tuệ tâm.”

- Tán: Phần hai có ba hàng tụng. Hợp năm đường nguy vong. Lại chia làm ba:

1. Một hàng tụng hợp nói mọi người rất nhiều, các con chơi giỡn trong đó.

Vô chủng tánh: Tuy không phải là con thật thì cũng là con nuôi.

2. Một hàng tụng nói nhà có nguy cơ sụp đổ.

3. Một hàng tụng nói tai họa xảy ra khắp nơi.

- Phần đầu nói: Tham đắm vui thế gian rất sâu dày, khởi ra nghiệp ác cũng sâu dày. Cũng có bốn ghi là đắm sâu năm dục nhưng đây dùng nghĩa đầu làm chánh, chung cả ba cõi, thì không có tuệ tâm, không có thiện ý.

- Kinh: “Ba cõi không an... lửa cháy không dứt.”

- Tán: Một hàng đầu tụng nhà lửa nguy cơ sụp đổ. Năm uẩn đều bị ép ngặt bởi bốn khổ, thay đổi biến dời. Một hàng sau tụng tai nạn nổi lên khắp nơi, trong sanh già bệnh chết, đều có lửa phiền não thiêu đốt dữ dội.

- Kinh: “Như-lai đã lìa xa... an ổn ở trong rừng.”

- Tán: Năm hàng tụng rưỡi, hợp nói “Thấy khổ mà lập phương tiện”. Đây lại chia làm ba:

1. Ba hàng tụng đầu hợp thấy khổ lòng bi sanh khởi.
2. Một hàng tụng khai thị pháp Đại thừa mà chúng chẳng mong.
3. Một hàng tụng rưỡi hợp chánh nói về pháp Ba thừa, không còn

suy nghĩ phương cách cứu giúp.

Ba hàng đầu có ba ý:

1. Một hàng tụng nói tự ra khỏi nhà lửa.
2. Một hàng tụng nói nhà phụ thuộc mình ta.
3. Một hàng tụng nói: Đã có năng lực.

Hàng đầu nói: Chứng Niết-bàn cho nên được vắng lặng. Ra khỏi sanh tử cho nên thông thả an ổn. Thường ở trong định, yên tịnh an xử trong rừng. Định là rừng công đức, như có bài tụng:

*“Voi đầu đàn chõ vắng vẻ
 Tâm phóng khoáng vô ưu
 Người trí ở núi rừng
 Tiêu điều vui vắng lặng.”*

- Kinh: “Nay Ba cõi này cho đến đều là con ta.”

- Tán: Nhà thuộc nơi ta, chúng sanh đều là con ta.

- Kinh: “Mà nay nơi chỗ này cho đến có thể cứu hộ.”

- Tán: Đã có năng lực, chẳng phải khả năng khác.

- Kinh: “Tuy lại dạy bảo cho đến tham đắm sâu xa.”

- Tán: Một hàng tụng hợp nói không cầu Đại thừa. Giáo có nghĩa dạy bảo. Tuy có dạy bảo mà không tin Đại thừa, tham đắm sâu xa.

Hoặc nói là giáo chiếu. Chiếu có nghĩa là Huấn dụ. Đây là nói rõ sự dẫn dụ.

- Kinh: “Bởi thế nên phương tiện cho đến các đạo xuất thế.

- Tán: Hợp chánh nói về Ba thừa.

- Kinh: “Các người con đó thấy... hoặc bất thoái Bồ-tát.

- Tán: Hợp nói nghe lời cha mà tránh nạn. Tâm chắc chắn đó là không nghi tứ đế, được chứng chân đế. Đây đủ lực thông thì đắc quả A-la-hán. Hai quả khác cũng có thể biết. Luận nói bất thoái là trụ Sơ địa trở lên, vượt ngoài phần đoạn sanh tử.

Ba minh là Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lộ tận minh. Theo thứ lớp đây có thể biết việc quá khứ, hiện tại, vị lai một cách thù thắng, không ngu ở ba đời.

- Kinh: “Xá-lợi-phất... đắc thành Phật đạo.”

- Tán: Bảy hàng tụng hợp nói thật pháp ngày nay. Chia ra hai:

Hai hàng tụng hợp nói cha chỉ cho một xe.

Năm hàng tụng sau khen ngợi công đức cao quý của Phật thừa.

Kinh: “Thừa này mầu nhiệm cho đến không còn pháp nào trên.”

- Tán: Tức năm hàng tụng khen ngợi công đức cao quý của thừa.

Ở đây chia làm bốn:

- Một hàng tụng khen ngợi bốn đức của thừa.

- Một hàng tụng nói bậc Thánh khen ngợi thừa này.

- Một hàng tụng là nói công cụ để vui chơi.

- Hai hàng tụng nói vui nhất thừa.

Hàng đầu nói bốn đức:

a. Thanh tịnh lìa chướng.

c. Đệ nhất trên hết.

d. Vô thượng chẳng pháp nào hơn.

- Kinh: “Thừa ấy, Phật vui ưa... lễ bái cúng dường.”

- Tán: Là pháp mà các Thánh khen ngợi. Không chỉ Phật vui mừng mà còn đáng được khen ngợi. Cũng để cho ba nghiệp của chúng sanh đều quy kính.

- Kinh: “Vô lượng ức ngàn cho đến và pháp khác của Phật.”

- Tán: Tụng về các điều ưa thích của Phật.

- Kinh: “Chứng được thừa như thế cho đến mà thẳng đến đạo tràng”

Tán: Tụng vui bậc Nhất ngày đêm kiếp số thường được dạo chơi Ba thừa đều lên ngôi vị từ Sơ địa trở lên, nương theo chủng trí Nhất thừa này, trải qua hai A-tăng-kỳ kiếp mới đến quả vị Phật.

Nếu Nhị thừa nương vào giáo vô lậu và thừa hữu lậu. Trải qua một đại a-tăng-kỳ kiếp mới nhập vào Sơ địa. Như vậy thì gọi là ngày đêm kiếp số, ba thứ ý sanh thân. Nương theo xe vô lậu Nhất thừa, thẳng đến Đạo tràng quả vị Phật. Bồ-đề, Niết-bàn là nơi sanh đạo gọi là Đạo tràng. Hoặc nương theo nhân thừa của chủng trí, thì đến quả Đạo tràng Đại Niết-bàn của quả Phật vậy. Hoặc đến Đạo tràng chân như của Phật quả. Đây là nhân thừa, mới đến được quả thừa. Do đó mà ở trên nói chung về Giáo, Lý, Hạnh, Quả đều là thể của thừa.

- Kinh: “Vì nhân duyên cho đến trừ Phật dùng phương tiện.”

- Tán: Tụng lại đoạn lớn thứ ba trong phần Văn xuôi, kết lại lời văn đáp.

Nên biết chư Phật dùng năng lực phương tiện, đối với một Phật thừa phân biệt nói thành ba. Ở trên nói theo lý, trong mười phương mà cầu đế lý lại không có tự thể của Nhị thừa, trừ khi Phật dùng phương

tiện giáo nói có ba, càng không có ba thể cực quả, trừ khi nói đó là nhân phương tiện có ba.

- Kinh: “Bảo với Xá-lợi-phất cho đến khiến ra khỏi Ba cõi.”

- Tán: Chính là dụ về hóa độ. Trong đoạn văn lớn có ba: Trên là tổng lược yếu chỉ, đáp về lý do hứa cho, và chánh nói về pháp dụ khiến cho người khai tỏ. Từ đây trở xuống có tám mươi hàng tụng rưỡi, khuyên tin hiểu kinh này, ưa thích trí Phật ở đương lai. Đây chia làm hai phần:

1. Mười bốn hàng tụng rưỡi, nói pháp có quyền thật, khiến xả quyền mà giữ thật.

2. Sáu mươi sáu hàng tụng nói về thị phi của người, khiến cho người học trừ lỗi.

Trong phần đầu lại có hai:

a. Hai hàng tụng nói cha con tình sâu thấy khổ liền cứu nạn.

b. Mười hai hàng tụng rưỡi chính là nói quyền thật, để cho người giữ và bỏ.

- Kinh: “Ta tuy trước đã nói cho đến chỉ có trí tuệ Phật.”

- Tán: Mười hai hàng tụng rưỡi chính là nói về quyền thật, khiến cho bỏ quyền giữ thật. Trong đây lại có hai:

- Một hàng tụng rưỡi, nói chung về xưa quyền nay thật.

- Mười một hàng tụng riêng về nay thật xưa quyền.

- Hàng rưỡi đầu: Ta tuy trước nói các thầy tuy diệt độ nhưng chỉ diệt phần đoạn sanh tử. Vì đắc quả Niết-bàn, hữu sau vì không có nối tiếp, nên Biến dịch sanh tử không thể chiêu biệt nghiệp, không chướng ngại vô học nhập vào vô dư. Đây Phật ẩn ý không nói ra là: Các thầy tuy đã diệt độ mà thật là chưa phải cảnh thật đại Niết-bàn diệt độ. Các thầy phải tu tập thêm, chỉ có tánh trí tuệ Phật làm pháp thân. Tướng là đại tuệ, là trí chứng lý. Hai chướng không sanh ra, liền được giải thoát, gọi là Đại Niết-bàn, ba việc đều đầy đủ.

- Kinh: “Nếu có Bồ-tát cho đến đều là Bồ-tát.”

- Tán: Mười một hàng tụng nói. Nay thật mà xưa quyền. Trong đây có hai:

- Chín hàng tụng rưỡi tụng về: Nay thật xưa quyền.

- Một hàng tụng rưỡi là: Kết luận.

Chín hàng rưỡi đầu lại chia hai:

- Hai hàng tụng nói về thật pháp ngày nay.

- Bảy hàng tụng rưỡi nêu xưa quyền phương tiện.

- Kinh: “Nếu người tiểu trí cho đến chân thật không khác nhau”

- Tán: Bảy hàng tụng rười nêu xưa thật. Trong đây lại có hai:
 - Sáu hàng tụng nói quyền pháp Tứ đế.
 - Một hàng tụng rười giải thích được được quyền xứ.
- Sáu hàng trên lại chia làm bốn phần nhỏ:
- Hai hàng tụng nói về khổ đế.
 - Một hàng rười tụng nói tập đế.
 - Một hàng rười tụng nói diệt đế.
 - Một hàng tụng nói về đạo đế.

Đầu tiên là nói: Mê đắm sâu ái dục tức ái nhiễm nội thân, ham muốn cảnh ngoài đều là khổ đế. Hàng tụng đầu nói khổ đế mà ý không bỏ thế đế để vào chân đế. Hàng tụng sau nói chúng sanh vui mừng, nên nhập vào quả Thánh được pháp chưa hề có. Sự chân thật không khác giải thích là đế. Đế nghĩa là thật. Trong kinh Di giáo nói: Phật nói khổ đế là nói rõ sự thật về khổ không có gì là vui.

- Kinh: “Nếu có chúng sanh cho đến phương tiện nói đạo.”

- Tán: Đây là tập đế.

- Nhân khổ là nghiệp phiền não tập đế. Đạo là nghĩa nhân, tức là thể của tập đế, là nhân của khổ đế. Lại nói đạo đế là đoạn ở nơi tập.

- Kinh: “Nguyên nhân có các khổ... gọi là đế thứ ba.

- Tán: Đây là diệt đế.

Tham là gốc khổ. Gốc còn thì khổ sanh. Nếu diệt gốc tham thì quả khổ liền diệt. Chỗ sở y đó là thân là khổ quả, vì diệt tập khổ mà nói diệt đế.

- Kinh: “Vì diệt đế cho đến gọi là đặc giải thoát.”

- Tán: Đây Trung đạo đế vậy. Do đạo đế mà chứng diệt lìa hết khổ phược gọi là chứng Niết-bàn được giải thoát.

- Kinh: “Người đó nơi pháp gì... tất cả được giải thoát.”

- Tán: Giải thích được được quyền xứ. Hai câu đầu là hỏi, bốn câu sau là đáp. Chỉ lìa mọi phiền não luống dối, nghiệp khổ của phần đoạn sanh tử thì gọi là đặc giải thoát. Chứng đặc hữu tác tứ Thánh đế. Chưa diệt tận nhị chương, nhị nghiệp, nhị tử, tất cả pháp Không, giải thoát, vô tác tứ Thánh đế cho đến.

Hữu tác Tứ đế là: Sanh tử phần đoạn là khổ đế. Nghiệp phiền não là tập đế. Hữu dư y Niết-bàn là diệt đế, phẩm Trí sanh không là Đạo đế.

- Vô tác Tứ đế: Biến dịch sanh tử là khổ đế. Sở tri chương là tập đế. Vô trụ Niết-bàn là diệt đế, phẩm Trí Pháp không là đạo đế. Cho nên trong kinh Thắng-man chép: Tám Thánh đế như thế, chẳng phải là pháp

mà Thanh-văn, Duyên-giác chẳng thể biết được.

- Kinh: “Phật nói người này... khiến cho đến diệt độ.”

- Tán: Nói nay thật xưa quyền v.v... là một hàng rười sau, kết luận có hai ý:

1. Phật nói Nhị thừa trụ ở pháp quyền, nên chưa thật diệt độ. Người này chưa đắc Vô thượng đạo.

2. Ý ta cũng không muốn khiến cho Nhị thừa trụ vào quyền đó tức phải đạt đến chỗ diệt độ vô dư. Ý là muốn giữ đạo Vô thượng Đại nhập Niết-bàn, không cho trụ ở phương tiện mà rốt ráo diệt.

- Kinh: “Ta là pháp vương... hiện ở nơi đời.”

- Tán: Trên nêu mười bốn hàng tụng rười về pháp quyền thật, cho chúng sanh bỏ quyền giữ thật. Đây trở xuống sáu mươi sáu hàng tụng. Nói việc phải trái của người để tu học trừ điều lỗi. Đây chia làm bốn:

1. Hai hàng tụng rười: Phật nói ta biết căn khí chúng sanh nên nói ra. Các thầy không biết chớ giảng nói truyền bá bữa bãi.

2. Tám hàng tụng nói tín là quả vị cao, đều trồng công đức căn bản đã lâu.

3. Ba mươi sáu hàng tụng rười nói người vô trí không tin tội tướng.

4. Mười chín tụng: Vì người có trí nên nói ra. Hai hàng tụng rười đầu lại chia làm hai:

- Một hàng đầu tụng: Ta biết căn khí cho nên nói.

- Một hàng rười tụng “Các thầy không biết chớ giảng nói truyền”.

Hàng đầu nói: Là pháp vương nên biết bệnh cho thuốc. Pháp thì tự tại phân biệt pháp được, khiến cho chúng sanh an ổn, phân biệt biết căn khí mà có thể ứng cơ nói cho nên hiện ở thế gian.

- Kinh: “Các thầy Xá-lợi-phất... chớ giảng nói truyền bá bữa bãi.

- Tán: Pháp ấn tức là diệu lý Nhất thừa. Tức là dạy Đại thừa khiến cho chắc chắn. Ta vì lợi ích chúng sanh nên nói pháp ấn này. Các thầy không biết bệnh cho thuốc, chớ giảng nói truyền bá bữa bãi sợ họa phát sanh.”

- Kinh: “Nếu có người nghe cho đến A-bệ-bạt-trí.”

- Tán: Phần hai có tám hàng.

Tín là quả vị cao, đều gieo trồng cội gốc công đức đã lâu.

Trong đây có sáu hàng tụng. Một hàng tụng nói quả vị cao có thể tin. Một hàng tụng rười đời trước có duyên gặp Phật, từng nghe rồi mới tin. Một hàng tụng rười nói: Nếu có thể tin lời nói của các thầy tức là

thấy Ta.

- Một hàng tụng về trí sâu xa có thể tin, thức cạn thì không thể tin.

- Một hàng tụng nói Nhị thừa tánh chắc chắn không thể tin đây.

- Hai hàng tụng sau nói về Nhị thừa bất định tánh mới thuận sanh tín.

Phần đầu nói. Nếu có người nghe kinh này mà tâm sanh tùy hỷ, cả thân tâm đều đánh lễ cung kính mà tin thì biết người đó trụ vào bất thối địa.

A-bệ-bạt-trí: Hán dịch là Bất thoái. Cũng có bốn ghi A-duy-việt-trí. Là sai. Trong tứ bất thối thì tín, vị, chứng, hạnh đều có thể như vậy nên nói căn tánh thuần thực.

- Kinh: “Nếu có người tin nhận cho đến cũng nghe pháp này.”

- Tán: Một hàng rưỡi tụng nói xưa gặp được duyên Phật, từng nghe mới tin có nhân đời trước.

- Kinh: “Nếu người có thể tin cho đến cùng các Bồ-tát.”

- Tán: Một hàng rưỡi tụng rằng: Nếu tin lời ông nói thì thấy được thân ta, Tỳ-kheo, Bồ-tát, Tam bảo đều không khác, vì đồng thể Tam bảo. Nếu biệt thể thì sẽ thấy được, mà là nhận thấy. Chúng ta đều muốn nghe pháp này, về lý không khác.

- Kinh: “Nói Kinh Pháp Hoa này cho đến mê hoặc không hiểu được.”

- Tán: Một hàng tụng nói về trí sâu có thể tin được lý sâu mâu. hiểu biết cạn thì không thể, vì là phàm phu ngu.

- Kinh: “Tất cả Thanh-văn cho đến sức kia không hiểu kịp.”

- Tán: Một hàng tụng chắc chắn Nhị thừa, không thể ngộ vì trái với bốn tâm. Người không ngu pháp: Có thể tin nghĩa mà không thuận theo tu hành.

- Kinh: “Ông Xá-lợi-phất... chẳng phải trí của mình.

- Tán: Một hàng tụng sau nói bất định tánh Nhị thừa, mới thuận sanh tín. Ông là tối thượng căn, còn phải tin lời của ta thì mới dần được chứng nhập. Huống chi là hàng Thanh-văn bất định khác. Bồ-tát nghe ta nói còn suy nghĩ lựa chọn để thể nhập. Nghĩa “còn” cũng là thường. Theo ngọc thiên là nghĩa “ngõ hầu”.

- Kinh: “Lại Xá-lợi-phất!... chớ nói kinh này cho đến”

- Tán: Phần ba lớn có ba mươi sáu hàng tụng rưỡi: Người vô trí không thể tin tội tướng.

Đây có hai: Hai hàng đầu tụng ngoại đạo phàm phu. Nếu người có

thất ác thì chớ vì họ mà nói.

- Ba mươi bốn hàng tụng rưới: Nếu vì họ mà nói thì họ sẽ không tin, gieo tướng nhân quả ác.

Hai hàng đầu lại chia hai:

- Một hàng tụng: Người đầy đủ bốn ác thì chớ nói.

- Một hàng tụng người có ba ác cũng chớ nói. Đầu tiên nói hạng người bốn ác là:

1. Kiêu: Cây theo dòng họ sắc lực thông minh tài phú mà buông lung.

2. Mạn: Đầy đủ cả bảy lần hiếp mạn, chê khinh người. Mình ít đức mà cho là nhiều, như năm ngàn người rời hội Pháp Hoa đây.

3. Lười biếng: Phóng dật túng tình không biết nhàm chán.

4. Ngã kiến: Bọn ngoại đạo.

Nếu nhàm chán sanh tử sâu xa mong cầu đạo xuất thế, hạ mình tôn trọng người, nhẫn tâm thọ pháp siêng năng không phóng dật, quán vô ngã diệt hết hoặc chướng, tin thuận kinh này thì mới vì họ mà nói. Thế nên Phật nói người có đầy đủ bốn ác thì không nói pháp.

- Kinh: “Hàng phàm phu biết cạn... cũng chớ vì họ mà nói.”

- Tán: Hai hàng tụng nói người có ba ác.

1. Người hiểu nông cạn trá hiện thông minh, sự hiểu biết không sâu xa.

2. Người phiền não sâu nặng thân tâm buông lung ở ngũ dục thế gian, tham đắm rất sâu.

3. Người phàm phu ngu độn không có chủng tánh, không thể nghe nghe diệu pháp. người nghe pháp là thuộc Nhị thừa định tánh, cũng chớ họ nói.

- Kinh: “Nếu người không tin... Hạt giống Phật ở thế gian.”

- Tán: Trở xuống ba mươi bốn hàng tụng rưới: Nếu nói ra thì chúng sẽ không tin, tướng nhân quả ác. đây chia làm hai: Bốn hàng tụng rưới nói không tin tức gieo nhân ác. Ba mươi hàng tụng sau nói không tin nên thọ quả ác. bốn hàng rưới đầu lại có hai: Một hàng tụng nói không tin, diệt hết gốc lành. Ba hàng tụng rưới vì không tin nên ác sanh.

Hàng đầu nói: Diệt nhân hữu lậu gọi là đoạn thế gian chủng. Diệt nhân vô lậu thì gọi đoạn Hạt giống Phật. Do tin kinh này, đầu tiên huân tập hạt giống hữu lậu thiện. Cho nên sanh vào trời người thọ sự diệu lạc thù thắng, mà nuôi lớn hạt giống pháp vô lậu như thế, rồi dần dần nhập vào Thánh, mới sanh vào vô lậu, lần lượt đắc quả thành Phật. Cho nên tin kinh này có thể làm nhân gần là trời người ở thế gian. Xa

thì là nhân thành quả Phật, tương lai thành Phật được lợi lạc vô biên. Nếu tự mình không tin, chê bai chướng ngại, không cho lưu hành làm cho người khác không tin. Há chẳng phải là đoạn hai hạt giống đó sao? Mà chính hủy hoại mắt của trời người. Hoặc đoạn tất cả Hạt giống Phật của thế gian, tổn phá pháp hạt giống vô lậu. Cho nên kinh này nói: Nếu khuyên người phát Bồ-đề tâm thì Hạt giống Phật không đoạn. Cho nên nếu chê bai kinh này là đoạn tâm Bồ-đề tức đoạn Hạt giống Phật. Pháp mà không hành trì thì cũng đoạn pháp chủng. Đã không phát tâm không chứng Thánh đạo, cũng đoạn luôn tăng chủng. Nay lấy điều hơn hết mà nói thì chỉ là đoạn Hạt giống Phật.

- Kinh: “Hoặc có người xịu mặt... kinh điển như thế này.”

- Tán: Ba hàng rươi tụng không tin nơi ác sanh. Có hai phần:

- Hai hàng tụng đối với pháp không tin nên khởi ra ba ác nghiệp.

- Một hàng tụng rươi, với người không tin thì khởi ra bốn hành ác.

Đây là phần đầu.

Xịu mặt có nghĩa là thân tướng không tin, hoặc nhăn mày. Người nghi hoặc là tướng tâm không tin. Người chê bai thì lời nói không có tướng tin. Trong đây nên nói: Nếu Phật còn tại thế hoặc đã diệt độ, có người chê bai như kinh điển này, hoặc lại nhăn mày, xịu mặt ôm lòng nghi hoặc, ông nên lắng nghe nói tội báo của người này trong văn trái ngược.

- Kinh: “Thấy có người đọc tụng cho đến nay ông lại nghe...”

- Tán: Đối với người không tin sẽ khởi lên bốn hành ác. Có bốn thứ mà người không tin: 1. Đọc; 2. Tụng; 3. Viết; 4. Trì. Theo lý thì hành chung mười thứ pháp hạnh, ở bên người đều khởi lên không tin. Trong đây lược nên chỉ nêu ra bốn thứ người khởi lên bốn hành vi ác.

Bốn hành vi ác : 1. Khinh tiện; 2. Oán hiềm; 3. Ganh ghét; 4. Kết hận. Lược nói bốn nhân tội rất nhẹ này. Sự thật thì các tội ác như: Đánh mắng, giết, trói, trộm cướp, chê bai, nói dối... đều là nhân của trọng tội, lược không nêu ra, mà lắng nghe quả đó.

- Kinh: “Người này chết cho đến vô số kiếp.”

- Tán: Ba mươi hàng tụng nói do không tin mà thọ tướng quả ác.

Chia ra làm hai:

1. Hai mươi tám hàng tụng nói về quả của sự không tin.

2. Hai bài kết lại.

Trong phần một lại có hai: Hai mươi hai hàng tụng riêng ba đường, thọ tướng dị thực quả. Sáu hàng tụng sau nêu chung ở bốn đường, thọ tướng hai quả đẳng lưu và tăng thượng. Phần đầu này lại có ba phần:

1. Một hàng rươi tung về thọ quả tướng địa ngục.
 2. Mười hàng rươi thọ quả tướng súc sanh.
 3. Mười hàng thọ quả tướng trong loài người. Đây không nói tướng ngạ quỷ. Ngạ quỷ phần nhiều do tham mà sanh ra. Không tin kinh này còn thiếu người sanh tham vì lược không nói chứ chẳng phải là không có. Trong quyển thứ nhất nói về năm đường, lấy sáu môn để phân biệt. Ở trên đã giải thích về ba môn là: một là danh, hai là thể, ba là khai hợp xong. Nay nói về ba môn còn lại: 1. Xứ sở; 2. Quả tướng; 3. Thọ lượng.

Xứ sở trong Nại-lạc-ca có ba:

1. Căn bản.
2. Cận biên.
3. Cô độc.

Căn bản là tám địa ngục nóng, tám địa ngục lạnh.

- Tám địa ngục nóng là:

1. Đẳng hoạt.
2. Hắc-thăng.
3. Chúng hợp.
4. Hào khiếu.
5. Đại hào khiếu.
6. Thiêu nhiên.
7. Cực thiêu nhiên.
8. Vô gián.

Tám ngục khổ khí này mỗi ngục đều rộng mỗi bề mười ngàn do tuần.

- Tám địa ngục lạnh là:

1. Át-phù-đà dịch là pháo: Da thịt phóng lên vì rét.
2. Pháo liệt: Da thịt nứt nẻ vì rét.
3. Yết triết chiêm: A-tra-tra: Bị rét buốt cùng cực.
4. Hổ hổ bà.
5. Hoa sen sanh (ốt-bát-la).
6. Hoa sen hồng.
7. Hoa sen hồng lớn.

Dưới đây khoảng ba muôn hai ngàn du-thiện-na có Đẳng hoạt. Dưới Đẳng hoạt khoảng bốn ngàn du-thiện-na thì có bảy ngục Hắc-thăng cho đến Như thế sáu ngục Nại-lạc-ca đều cách nhau hai ngàn do-tuần. Tám địa ngục lạnh này so ra nhỏ hơn địa ngục nóng. Trên đây là nói về địa ngục căn bản. Có nghĩa là địa ngục trên dưới lớp lớp

chồng lên nhau. Lược tính thì ở tận đáy ngục Vô gián cách mặt đất này là mười hai muôn tám ngàn do-tuần. Giải thích đây không đúng. Vì núi Diêu cao cách mặt nước chỉ nói có tám muôn. Tức lớp vàng thấp xuống nhất định không thể như vậy. Cho nên có giải thích: Cách mặt đất này ba muôn hai ngàn do-tuần có ngục Đẳng hoạt. Dưới Đẳng Hoạt cách bốn ngàn do-tuần có bảy ngục khác, cách ngang nhau có mười ngàn do-tuần, không nói trên dưới. Trong Du-già chỉ nói cách đây ba muôn hai ngàn do-tuần có Đẳng hoạt. Dưới Đẳng hoạt cách bốn ngàn do-tuần có các địa ngục khác. Sơ hàn thì ở một bên Đẳng hoạt. Dưới đây hai ngàn thì có ngục lạnh Na-lại-ca. Ngục này rộng mười ngàn. Không nói riêng trên dưới đều cách bốn ngàn do-tuần, và mỗi mỗi địa ngục đều là mười ngàn.

Theo luận Bà-sa thì có hai nói. Trong Câu-xá thì cách hai muôn là đến đáy ngục Vô gián. Như vậy là rất gần.

- Gần biên tức là ngoài cửa tám địa ngục nóng, mỗi mặt đều có bốn cửa. Câu-xá nói là mười sáu tầng. Đó là: tro nóng, thân phân, dao nhọn, sông nóng.

- Cô độc: Ở dưới gốc cây vắng vẻ chốn núi non. Hoặc một hoặc nhiều nhiều nơi thọ tội. Loài bàng sanh vốn ở nơi biển lớn, chảy đến ở nơi khác. Chánh pháp niệm nói: Dưới đây cách năm trăm do-tuần có nước Diêm ma vương. Sau đời qua chỗ khác. Người trụ tám châu trong bốn đại châu. Mỗi mỗi đều có năm trăm tiểu châu, lấy đó làm quyến thuộc. Trời trụ ở cõi lục dục sắc vô sắc. Chư Thiên của Bốn đại vương ở tầng thứ tư khoảng lưng chừng núi Diêu cao. Trong Câu-xá nói trụ trên đỉnh Kim sơn. Trời Đao-lợi trụ ở đỉnh Diêu cao. Các cõi trời khác đều lần lượt trụ ở trên không. Từ đỉnh núi Tu-di cách dưới tám muôn du-thiện-na trở lên mỗi tầng trời cách nhau gấp bội. Cõi trời Dạ-ma cách mặt đất mười sáu muôn. Trời Tri túc cách đất ba mươi hai muôn. Trừ cõi trời Vô Vân cho đến trở lên đều y cứ theo đây nên biết. Các tầng trời cõi vô Sắc ở tại cõi Dục sắc, tùy theo trước nhập định mà liền thọ quả. Chẳng phải trời căn bản phía bắc tại núi Diêu cao là Bắc hải trở xuống có các loài bàng sanh nhỏ, tùy theo ở nơi bốn châu, như trước đã nói.

- Tướng thọ quả là: Nghĩa là hữu tình Na-lặc-ca. Ở đây phần nhiều thọ dụng sự trị phạt cực khổ.

- Hữu tình bàng sanh phần nhiều là thọ dụng sự ăn nuốt cực khổ.

- Hữu tình ngạ quỷ phần nhiều là thọ dụng sự đói khát cực khổ.

- Hữu tình nhân thú: phần nhiều thọ dụng thiếu thốn nên truy cầu đủ loại cực khổ.

- Hữu tình cõi trời phần nhiều thọ dụng sự xuy nã đọa lạc khổ.

Tướng chịu khổ của tám địa ngục nóng là:

1. Tướng khổ Đẳng hoạt: Hữu tình ở đây phần nhiều cùng nhóm hợp. Do nghiệp tăng thượng sanh ra các thứ khổ cụ, lần lượt xuất hiện, lại tương tàn lẫn nhau, ngắt xủ ra đất. Kế là trên không trung có tiếng nói lớn: Chúng hữu tình này trở về ngục Đẳng hoạt, trở về Đẳng hoạt, như thế các khổ cụ lần lượt hiện ra, tiếp tục tàn hại lẫn nhau. Do nhân duyên này mà chịu khổ lâu dài. Nhấn đến ở trong đời trước tạo ra các ác nghiệp chưa chưa thể ra.

2. Tướng khổ Hắc-thăng: Nghĩa là chúng hữu tình kia phần nhiều bị ngục tốt dùng dây đen trói lại, hoặc làm bốn phần hoặc làm tám phần. Hoặc làm thành các thứ đồ hoa văn tượng. Hoặc bị cửa bị chặt. Vì nhân duyên đó chịu khổ rất lâu. Nghiệp hết mới ra khỏi.

3. Tướng khổ chúng hợp: Nghĩa là chúng hữu tình kia hoặc lần lượt hòa hợp nhóm hợp lại. Bấy giờ ngục tốt rượt đuổi ép ngắt vào giữa hai ngọn núi Thiết lớn ép lại, làm cho các cửa máu tuôn ra. Như thế núi Thiết đầu dê đầu ngựa sư tử, đầu hổ... lại chúng hòa hợp nghĩa như đặt, các hữu tình có tòi vào trong máng sắt lớn, ép như ép mía, khiến máu tuông ra. Lại có nghĩa từ trên núi thiếc lớn rơi xuống đất bằng thiếc bén, bị đâm, cắt, chặt, chém, cho đến máu tuôn xối xả. Chịu khổ như thế rất lâu, đến khi nghiệp hết mới ra.

Các khổ này có ba:

a. Bị hai núi bức ép lại.

b. Bị ép.

c. Rơi từ núi Thiết.

4. Tướng khổ ngục Hào khiếu (kêu gào).

Nghĩa là hữu tình tự tìm đến nhà kia, liền rơi vào nhà Đại thiết. Vừa rơi vào đó thì lửa liền bốc cháy thiêu đốt khắp nơi, thật là ép ngắt khổ sở, phát lên kêu gào đau đớn. Chịu khổ lâu ngày, nghiệp hết mới ra khỏi.

5. Tướng khổ ngục Đại Hào khiếu: Khác nhau với đây: Nghĩa là vào nhà kia như rơi vào thai tạng, khổ hơn trước kia, bèn phát ra tiếng kêu lớn.

6. Tướng khổ ngục Thiêu nhiên: Nghĩa là ngục tốt đem các chúng hữu tình này đặt vào vô lượng chảo nướng, dời chuyển qua lại tựa như nướng cá trên cây xuyên bằng sắt làm cho hữu tình kia các lỗ chân lông lửa đều phát cháy lên. Sau đó đem hữu tình đó đặt vào lò thiếc đốt như trước. Chịu khổ lâu dài cho đến nghiệp hết mới ra. Ở đây có ba

điều khổ: a. Phải trái đều bị thiêu đốt; b. Xuyên vào cây sắt nướng; c. Bị đánh bằng cây thiết.

7. Tướng khổ ngục Cực Thiêu nhiên: Đây có khác với trước. Nghĩa là dùng ba cây sắt nóng lớn xuyên xuống dưới lên hai vai và ra tới đỉnh đầu. Do đó mà các lỗ chân lông từ mắt tai mũi miệng đều phát ra lửa cháy. Lại quăng ném, độc ngược tội nhân, hoặc bỏ vào chảo đầy tro nóng sôi sùng sục, khiến hữu tình nổi lên chìm xuống máu thịt da mạch thủy đều tiêu tan, chỉ còn là xương lại rớt ra đặt trên đất thiết nóng, tất cả lại hoàn như cũ, tiếp tục bị hành tội như trước. Các sự khổ như thế liên tục không dứt, trải qua thời gian lâu xa chịu khổ cho đến khi hết nghiệp mới ra khỏi. Khổ này có ba: a. Bị cây xuyên qua; b. Bị trói bằng dây sắt; c. Nướng trên lửa.

8. Là ở ngục Vô gián đại Na-lạc-ca, thọ các tướng khổ. Nghĩa là ở phương Đông có ba thứ đại thiết nóng bức cả trăm du-thiện-na. Có ngọn lửa đỏ rực bay đến đốt hữu tình đó, xuyên vào da thịt xương cốt, cho đến cháy đến tủy não như là đuốc mỡ. Như thế cả thân đều thành như bó đuốc. Thân và lửa hòa hợp lại chỉ còn nhìn thấy lửa, lửa từ bốn phương tụ lại không có gián đoạn, chỉ nghe tiếng kêu gào khổ sở, nên biết là có chúng sanh trong đó. Quỷ sứ lại lấy nia sắt bỏ đầy than trong đó thiêu đốt thân tội nhân. Sau đó đặt vào núi thiết. Trên đưa xuống dưới lại đưa lên trên núi từ miệng lưỡi bị kéo ra, dùng trăm đinh thiết đóng vào. Đóng rồi căng ra như căng da trâu. Lại dùng các hòn sắt nóng đốt vào miệng. Dùng lửa đồng rót vào miệng thiêu cháy cả yết hầu, triệt hết phủ tạng. Chịu khổ dài lâu như thế, cho đến khi nghiệp hết mới ra.

- Khổ này có sáu:

1. Bốn phương lửa cháy lên.
2. Bị tro sắt, nia đâm.
3. Lên xuống núi sắt.
4. Đinh sắt đóng vào lưỡi.
5. Nuốt sắt nóng.
6. Nước đồng rót vào miệng.

Trên đây đã nói các tướng khổ của Tám địa ngục nóng.

Tướng khổ cận biên là: Mỗi đại địa ngục đều có bốn phương, bốn bờ, bốn cửa. Có tường sắt bao quanh. Từ bốn cửa trở ra thì hai cửa ngoài đều có bốn khu vườn:

1. Cháy khét: Đây khắp tới chân. Hữu tình chạy ra tìm nhà ở, rảo chạy đến đây, thì ở dưới chân thịt xương cốt đều bị cháy tiêu, khi gỡ chân lên thì da thịt hoàn lại như cũ.

2. Phần thỉ: là phân cốt. Các hữu tình trước đã cầu ra khỏi nhà này rồi, dần dần chạy đến đây rơi vào trong hầm phân cốt này phần nhiều có các thứ trùng củ tra thân dài một thước, mỏ trắng, đầu đen, xuyên vào trong da thịt người rút tủa gân cốt, lấy hết tủy để ăn.

3. Vườn đao nhọn: Trong đây có ba: Một là: Đường đi có dao bén, để ngừa dao lên làm đường đi. Chúng hữu tình kia trước đã ra rồi nay lại đến đây. Khi chân bước xuống da thịt gân cốt thấy đều nát bấy, nhấc chân lên lại hoàn như cũ. Hai là vườn lá đao: Các hữu tình ra rồi, đến đây định ở dưới cây râm mát. Nhưng vừa ngồi xuống thì cơn gió nhẹ thổi đến lá kiếm rơi xuống, chặt bửa vào tứ chi thân thể, rơi nhào xuống đất, bị chó đen nhào tới giành ăn.

Ba là: Rừng đao kiếm: Bị chó đuổi nên chạy theo đây, leo lên cây bị đao kiếm chém, định nhảy xuống thì đao kiếm hướng lên đâm.

4. Sông nóng: Trong vườn có con sông lớn nước sôi sùng sục đầy khắp trong đó, các hữu tình tìm cầu nhà cửa. Từ ngục trên bước ra rồi thì rơi vào đây, cũng như bỏ hạt đậu vào trong chảo lớn, bị lửa thiêu đốt hầm như. Tùy theo ngọn lửa đó tung lên rồi rớt xuống. Ở hai bên bờ sông có đầy ngục tốt tay cầm đao trượng và lưới lớn, vây quanh không cho tội nhân ra khỏi. Hoặc dùng dây hoặc dùng lưới trói lại rồi đem bỏ vào núi sắt nóng. Quỷ tốt lại hỏi: Các người cần gì? Người tội đáp: Tôi chẳng còn biết gì nữa, chỉ bị đói khát ép ngặt khổ đau. Quỷ tốt liền lấy nước đồng rót vào miệng và lấy các viên sắt nóng đặt vào trong đó. Nếu người kia đáp: Tôi khát nước thì quỷ tốt lấy nước đồng rót vào miệng, chịu khổ lâu dài như thế đến khi hết nghiệp rồi mới ra. Ở trong địa ngục chịu khổ vô lượng. Xứ sở tuy nhỏ mà có nhiều thứ khổ cụ, chẳng thứ nào không đầy đủ.

- Tám địa ngục lạnh là:

1. Địa ngục Pháo: Hữu tình thọ sanh ở đây thật là rộng lớn. Vì quá lạnh nên thân thể nổi ốc như gẻ pháo.

2. Địa ngục Pháo liệt : Cũng như pháo vỡ, lạnh làm vết thương lở loét máu mủ chảy ra.

3. Hám triết cô.

4. Hác hác phàm.

5. Hổ hổ phàm.

Ba địa ngục này, khi hữu tình thọ tội tiếng kêu khác nhau nên lấy đó gọi tên.

6. Địa ngục Thanh liên hoa : Bị lạnh quá nên thân thể tách ra như hoa sen sanh.

7. Địa ngục Hồng liên : Lạnh quá nên thân thể tách ra như hoa sen đỏ.

8. Địa ngục Đại hồng liên : Thân thể tách ra như hoa sen đỏ lớn.

Hoặc trăm hoặc nhiều loại bàng sanh cùng tàn hại nhau, thọ muôn thứ khổ, như kẻ yếu bị kẻ mạnh hơn sát hại. Vì không được tự tại nên bị kẻ khác xua đuổi. Phần nhiều là bị roi vọt và làm vật tư sanh (nuôi dưỡng) cho hàng trời người. Do nhân duyên này mà sự khổ não đến cùng cực.

Cõi ngạ quỷ lược có ba thứ:

1. Do chướng bên ngoài mà ngăn ngại sự uống ăn.
2. Do nội chướng mà ngăn ngại sự uống ăn.
3. Uống ăn không có chướng ngại.

Do bên ngoài chướng uống ăn đó là do keo kiệt san tham mà sanh vào trong loài ngạ quỷ, thường bị đói khát, da thịt máu mủ huyết đều khô khan, như là tro than, đầu tóc rối loạn, mặt mày đen tối. Môi miệng khô khan, thường dùng lưỡi liếm vào mặt, sợ hãi đói khát đến đâu cũng bị xua đuổi. Nếu đến ao suối thì bị các loài hữu tình khác cầm dao gậy đuổi bắt không cho tới gần. Hoặc nếu có đến được thì thấy nước trong sông đó chỉ là máu mủ, nên không muốn uống. Đó là do ngoại chướng mà làm trở ngại việc ăn uống.

Do nội chướng mà ngăn ngại việc ăn uống là: Hoặc do họng của hữu tình kia nhỏ như kim. Hoặc miệng như đốc. Hoặc cổ nhỏ mà bụng quá to. Do nhân duyên này, nếu có đồ ăn uống không bị chướng ngại từ bên ngoài thì cũng không thể tự mình ăn uống được. Đó là do nội chướng làm trở ngại uống ăn.

Uống ăn không có chướng ngại đó: Nghĩa là có ngạ quỷ tên là Mãnh-diêm-man, mỗi khi ăn uống đều bị lửa thiêu đốt. Do đầy mà thường bị đói khát khổ sở.

Lại có ngạ quỷ gọi là ăn phần ược. Hoặc có một phần thì ăn phần nước tiểu. Hoặc một phần ăn các thứ nhàm ác, nhờm gớm, sống chín. Nếu có đồ mỹ vị thì không thể ăn được. Hoặc có một phần tự cắt thân thịt của mình mà ăn. Nếu có thức ăn khác thì không thể ăn được. Như thế thì gọi là uống ăn không có chướng ngại.

Ở trong cõi người phần nhiều là chịu khổ. Nghĩa là sanh ra những nơi đói khát thiếu thốn hẳn cùng khốn khó. Chỗ mong muốn không đầy đủ, ăn uống khổ sở thiếu thốn. Nếu như thời gian thay đổi, hoặc nóng hoặc lạnh thì ở nơi tối tăm cực khổ túng thiếu, làm việc gì cũng bị chướng ngại hư hao thiếu thốn lại bị biến hoại của già bệnh chết. Do

khổ này mà ở trong Na-lạc-ca gọi chết là vui, cho nên ở cõi đó không lập là khổ.

Ở trong cõi Trời không giải thích chi tiết khổ có khổ bị đọa chết. Như trong kinh nói: Có chư Thiên khi sắp chết, thì trước tiên năm tướng suy hiện ra:

1. Áo hiện ra dơ bẩn.
2. Hoa trên đầu héo rụng.
3. Hai nách ra mồ hôi.
4. Thân bị nhờm gớm.
5. Trời và Thiên tử không thích ngồi tòa của mình.

Lúc ấy chư Thiên này theo ngũ trong rừng, có các chư Thiên và thể nữ cùng đến vui chơi. Vị kia thấy vậy càng sanh ưu não, lại chịu khổ bị khinh thường. Do họ có phước đức rộng lớn thành tựu và lúc sanh thời Thiên tử ở trong ngũ dục rộng lớn. Vị Thiên tử cũ do phước đã cạn nên trông thấy liền sợ hãi mà chịu ưu khổ. Trên đây nói là chung cả lục dục thiên, phần dưới nói hai cõi Trời lại chịu sự khổ tàn hại chém giết xua đuổi. Do cùng với Phi thiên đấu chiến lẫn nhau. Thiên cùng Phi thiên trái ngược nhau. Tức cầm tứ tượng là kim ngân, pha lê, lưu ly, cùng đánh nhau chí tử. Bấy giờ chư Thiên và Phi thiên hoặc bị đứt tay chân, hoặc tàn phá thân thể, hoặc bị chết. Nếu thân bị thương hay đứt tay chân thì hoàn lại như cũ. Nếu bị đứt đầu thì chết. Thiên cùng Phi thiên đều có lực mạnh. Nhưng Thiên phần nhiều có thế lực mạnh hơn. Nhưng hai cõi này nếu bên nào bị thua, liền lui nhập vào tự cung, không được an ủi từ đồng loại. Do nhân duyên này liền ôm lòng ưu não. Nếu Thiên thắng liền vào của Phi thiên cướp lấy, gái đẹp, khởi đánh. Nếu Phi thiên đánh thắng liền vào thiên cung mong cầu bốn thứ Tô-đà vị mới sanh ra tranh chấp đánh nhau. Lại có một Thiên tử có lực mạnh, vừa mới phát phần nộ, các trời yếu kém hơn liền bị đuổi ra khỏi tự cung. Thế nên nói chư Thiên thọ ba điều khổ là: Khổ vì chết bị đọa, khổ bị lăng nhục, khổ vì bị tàn hại xua đuổi.

Trên là nói khổ ở Cõi Dục. Hữu tình cõi Sắc, Vô sắc không có những khổ như thế. Do hữu tình này chẳng phải chịu khổ khí. Nhưng do các khổ thô nặng. Nói kia khổ là có phiền não có định chướng. Đối với việc chết và ở không được tự tại. Do đây mà Ba cõi đều có khổ, không có gì ưa thích. Chỉ có cõi vô lậu thì vĩnh viễn dứt trừ các khổ thô nặng. Thế nên chỉ tu kinh này mới có được sự an lạc thắng nghĩa.

Trên là nói về quả tướng, tiếp nói thọ lượng: Người ở Thiệm-bộ châu tuổi thọ không nhất định. Cõi người lấy ba mươi ngày làm một

tháng, mười hai tháng làm một năm. Hoặc có lúc tuổi thọ vô lượng tuổi, chính là kiếp thành hoại. Hoặc có một thời thọ tám muôn tuổi, là kiếp trụ, bắt đầu giảm; hoặc ở vào một thời, tuổi thọ dần dần giảm chỉ còn mười tuổi. Đây là thời tam tai nổi lên. Người ở Đông-tỳ-đề-ha, tuổi thọ tăng nhất định hai trăm năm mươi tuổi. Người Tây-cù-đà-ni tuổi thọ tăng nhất định lên năm trăm tuổi. Bắc Câu lô châu thọ nhất định một ngàn tuổi. Lại ở nhân gian năm mươi năm là một ngày một đêm ở Tứ Thiên vương, chư Thiên lấy số năm này làm tháng. Các tháng này tích tụ thành năm. Cõi kia tuổi thọ năm trăm tuổi. Ở nhân gian một trăm tuổi là một ngày một đêm ở cõi Tam thập tam thiên, lấy số này làm năm tháng thì Trời kia tuổi thọ ngàn tuổi. Như thế cho đến cõi Tha hóa tự tại thiên một ngày một đêm, và tuổi thọ tăng hơn trước gấp bội. Lại chư Thiên ở cõi Tứ Thiên vương đầy đủ năm trăm tuổi, bằng một ngày một đêm ở địa ngục Đẳng hoạt đại Na-lạc-ca. Lấy đây tích tụ làm năm tháng mà địa ngục tuổi thọ tới năm trăm tuổi. Như thế lấy thọ lượng của trời Đạo-lợi tích ra tuổi thọ của địa ngục Hắc-thăng. Lấy thọ lượng của cõi trời Thời phân tích thành thọ lượng của chúng hợp. Lấy thọ lượng của cõi trời Tri túc tích thành thọ lượng của địa ngục Hào khiếu (kêu gào). Lấy thọ lượng của cõi trời Lạc biến hóa tích thành thọ lượng của địa ngục Đại hào khiếu. Lấy thọ lượng của trời Tha hóa tự tại thiên tích thành thọ lượng của ngục Thiêu nhiên (lửa cháy), thọ lượng của ngục Cực Thiêu nhiên bằng nửa trung kiếp. Tuổi thọ của Vô gián địa ngục là một trung kiếp. Nghĩa là như từ tám muôn tuổi giảm đến mười tuổi. Từ mười tuổi lại tăng lên tám muôn tuổi thì gọi là một trung kiếp. Đó là kiếp lượng của Vô gián địa ngục, Thọ lượng của phi thiên như trời Tam thập tam thiên. Thọ lượng của loài bàng sanh, ngạ quỷ thì không nhất định.

Lại tám địa ngục lạnh bằng tám đại địa ngục nhiệt, thứ lớp đối nhau, thọ lượng gần một nửa. Trong hai địa ngục Cận biên và Cô độc về thọ lượng thì không nhất định.

Trên đây đã nói về thọ lượng trong năm đường ở Cõi Dục. Thọ lượng của trời Phạm chúng là hai mươi trung kiếp của một kiếp. Trời Phạm phụ thọ đến bốn mươi trung kiếp trong một kiếp. Đại Phạm thiên thọ sáu mươi trung kiếp trong một kiếp. Trời Thiểu quang thọ tám mươi trung kiếp trong hai kiếp. Thọ lượng của chư Thiên trở lên dần tăng lên gấp bội, chỉ trừ cõi Vô vân nên biết cõi trời kia thọ lượng giảm ba kiếp. Cõi trời Không vô biên xứ thọ hai muôn kiếp. Thức vô biên xứ thọ bốn muôn kiếp. Vô sở hữu xứ thọ sáu muôn kiếp. Phi tướng phi phi tướng

xứ thọ tám muôn kiếp. Trừ Bắc Cu lô châu thì tất cả cõi đều có trung yếu (chết yếu). Tuy tất cả đều là hóa sanh thân chết mà không bị nhơ uest. Nhưng thời nay, người quý đều có thân và có nhơ uest. Trời và địa ngục cùng thức đều mất mà không có thân nhơ uest. Nhưng kinh Chánh pháp niệ m nói: Một trăm ba mươi sáu địa ngục đó: Tám đại địa ngục mỗi mỗi đều có mười sáu cận biên, bốn cửa viên quán. Tính có một trăm hai mươi tám chỗ, cùng tám ngục căn bản, hợp thành một trăm ba mươi sáu, không tính Bát hàn và Cô độc. Nếu tính ở đây thì địa ngục rất nhiều. Trong luận Du-già nói: Cách đây khoảng ba muôn hai ngàn do-tuần có địa ngục Đẳng hoạt, thì biết địa ngục ở dưới châu đây. Các nơi Tiểu thừa nói khác nhau. Nếu y theo kinh Chánh pháp niệ m thì đại địa ngục ở dưới núi Tu-di. Ở trên là nói tuổi thọ, về lượng của thân thì người ở Thiệ m-bộ châu thân lượng không nhất định. Hoặc là cao lớn. Hoặc là nhỏ hẹp, nhưng đều tùy từ một tay, đến ba khủyu rưởi. Người ở ba châu khác cũng tính như vậy. Thân hoặc cao lớn như trời Tứ Thiên vương thân lượng bằng một phần tư Câu-lư-xá. Thân ở tầng trời Ba mươi ba lại tăng lên một tíc. Một tíc là một phần tám của Câu-lư-xá. Thân của Đế Thích bằng nửa Câu-lư-xá. Thân lượng của Thời phần thiên cũng bằng nửa Câu-lư-xá. Trên đây là thân lượng của A-dục thiên, dần dần tăng lên một tíc. Trời Phạm chúng bằng nửa du-thiệ n-na. Trời Phạm phụ bằng một du-thiệ n-na. Trời Đại phạm bằng một rưởi du-thiệ n-na. Trời Thiểu quang bằng hai du-thiệ n-na. Các cõi trời trở lên dần tăng lên gấp bội. Trừ Vô vân thì nên biết cõi trời kia dần giảm ba thiệ n-na. Cõi Vô sắc vô hình thì không nói về thân lượng. Nhưng trong luận lại nói trời Sắc, Vô sắc biến thân khắp cả muôn ức. Kinh Nhân Vương liệt kệ chúng cõi Vô sắc. Kinh A-hàm thì nói cõi trời Vô sắc khi khóc rơi xuống như là hạt mưa mùa xuân (mưa bụi), đứng ở bên Phật đều là hóa làm. tùy thời lớn nhỏ mà chẳng phải thân nghiệp quả.

Trong đại địa ngục thân lượng không nhất định. Hoặc do thêm lớn nghiệp bất thiệ n rất nặng mà cảm thân rộng lớn. Các nơi khác thì không như vậy. Địa ngục lạnh chỉ có một lượng gần gũi biên, Bàn sanh, Ngạ quỷ cũng vậy. Thân của chúng Phi thiên bằng thân cõi trời Đao-lợi: Đây là nói về thân căn bản Phi thiên. Như ở cõi này thân lượng liề n nhỏ không nhất định. Dựa lược dựa theo nghĩa chính mà phân biệt các đườ ng, tất cả nghĩa khác như lý nên biết. giải thích như kinh văn thì Tiếng Phạn gọi là A-tỳ chí, đây gọi là Vô giá n. Du-già giải thích là chịu khổ không giá n đoạn, lửa đốt không giá n đoạn, do chê bai kinh này. Thọ đầy đủ một kiếp là trung một kiếp. Mạng tận cùng đến hết kiếp

này lại như thế lần lượt đến vô số kiếp.

Trong kinh Bát-nhã nói: Chê bai Đại thừa thọ tội địa ngục ở phương này hết thì sanh về Đông phương. Như thế trải qua lần lượt cả mười phương địa ngục. Hết mười phương địa ngục thì sanh lại đây. Cho nên kinh đây nói: “Như thế lần lượt đến vô lượng kiếp” không phải chỉ đọa vào ngục Vô gián, mà còn đọa vào ngục khác. Trong đây chỉ riêng nêu một chỗ rất nặng. Đây tuy chỉ có một nghiệp mà từ khi mới thọ mà gọi là sanh báo. Ba thừa thông nghịch: Nghĩa là giết cha, hại mẹ, giết A-la-hán, làm thân Phật ra máu, phá hòa hợp tăng.

Trong kinh Tát-giá-ni-càn-tử nói tội ngũ nghịch của Đại thừa là:

1. Phá tháp hoại chùa, thiêu đốt kinh tượng, trộm tài vật của Tam bảo.

2. Chê bai pháp Ba thừa, nói chẳng phải là Thánh pháp, làm chướng ngại lưu nạn, ẩn che tội lỗi.

3. Đối với tất cả người xuất gia, có giới hay không giới, trì giới hay phá giới, đều đánh mắng quở trách, nói lỗi của người, đẩy họ vào lao ngục. Hoặc cửi cà sa bắt phải hoàn tục. Hoặc bắt bố xua đuổi đánh đập.

4. Giết cha hại mẹ, làm thân Phật ra máu, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng.

5. Khởi đại tà kiến, chê bai cho là không có nhân quả. Trải qua thời gian lâu dài làm các nghiệp bất thiện. Nay không tin kinh này, đọa vào ngục Vô gián lần lượt cho đến vô số kiếp.

Câu-xá Luận chép: Trong tội ngũ nghịch phá hòa hợp tăng là nặng nhất. Nhất định phải chịu khổ trong ngục Vô gián một kiếp. Nay tội còn hơn đây, nên nói hết kiếp sanh lại...

- Kinh: “Từ địa ngục ra... thọ tội báo này.”

- Tán: Đoạn thứ hai có mười hàng tụng rưỡi. Thọ báo súc sanh có bốn phần:

1. Ba hàng tụng thọ quả làm chó giả-can.

2. Hai hàng tụng thọ quả làm lừa, lạc-đà.

3. Hai hàng tụng thọ quả Dã can.

4. Ba hàng tụng làm thân rắn.

Chữ Súc có nghĩa là lục súc. Nay từ đầu nói: Một nghiệp Đại thừa có thể cảm nhiều quả. Từ đầu đặt tên đều là do quả kia. Trong đây nói từ địa ngục ra thì đọa vào súc sanh. Phần dưới y theo đây nên biết.

- Kinh: Như làm Lạc-đà... mắc tội như thế.

- Tán: Hai hàng tụng nói làm lạc-đà, làm lừa. Đây có bốn quả:

1. Mang nặng.
2. Bị roi vọt.
3. Nghĩ đến ăn uống.
4. Vô tri.
 - Kinh: “Có khi làm Dã can... hoặc có lúc phải chết.
 - Tán: Thọ quả Dã can có bốn quả:
 1. Ghẻ lở.
 2. Chột mắt cũng không có hai. Nếu tin Tiểu thừa thì sẽ không tin Đại thừa, cho nên nói chột mắt.
 3. Bị đánh ném.
 4. Đến chết.
 - Kinh: Chết ở đây rồi cho đến đắc tội như thế.
 - Tán: Thọ quả thân mạng xà (trăn). Có năm:
 1. Thân to lớn.
 2. Điếc.
 3. Ngủ xuẩn.
 4. Không chân.
 5. Ăn trùn nhỏ.
- Kinh: “Nếu được làm người chẳng đến chỗ nương tựa.”
- Tán: Có mười hàng tụng. Nói quả làm người xấu xí. Có hai phần:
 1. Bảy hàng tụng nói có ác báo.
 2. Ba hàng tụng sau nói không có quả thiện.
 - Bảy hàng đầu lại chia làm bốn phần:
 - Ba hàng tụng về hình hình dung xấu ác.
 - Một hàng tụng nói không nơi nương tựa.
 - Hai hàng tụng nói không có phước đức.
 - Một hàng tụng nói bị tai ương.

Có mười bảy hình dung xấu ác:

 1. Ám độn.
 2. Thấp, lùn.
 3. Hôi hám.
 4. Bệnh hoạn yếu đuối.
 5. Tật nguyên.
 6. Mù.
 7. Điếc.
 8. Lưng gù.
 9. Người không tin.

10. Miệng hôi.
11. Quỷ dựa nhập.
12. Nghèo cùng.
13. Hạ tiện (thấp hèn).
14. Bị người sai xử.
15. Thường bệnh.
16. Gây ốm.
17. Không nơi nương tựa.

Một hàng tụng đầu là quả của ý nghiệp.

Một hàng tụng về quả của ngữ nghiệp.

Một hàng tụng quả của thân nghiệp.

Đều do ý dẫn đầu mà gây ra các tệ lậu.

- Kinh: “Tuy gần gũi người cho đến nhưng lại quên mất.”

- Tán: Không nơi nương tựa.

- Kinh: “Nếu học theo ngành thuốc cho đến mà bệnh càng thêm nặng”.

- Tán: Nói về bạc phước, có hai quả có thể biết.

- Kinh: Hoặc người kia phản nghịch cho đến bất chợt phải tai ương.

- Tán: Nói bất chợt gặp tai ương. Tức người khác cưỡng lấy vật, trộm cắp, lấy vật phi lý. Là mắc tội phi lý vậy.

- Kinh: “Như người tội này cho đến không bao giờ được nghe pháp.”

- Tán: Ba hàng tụng về không có thiện quả. Có ba ý:

- Một hàng tụng nói không thấy Phật.

- Một hàng tụng nói không nghe pháp.

- Một hàng tụng nói về căn thường thiếu.

Kinh: Trải qua vô lượng kiếp cho đến các căn chẳng đầy đủ”.

Tụng đầu nói một nạn sanh vào thời trước sau Phật. Tụng thứ hai nêu sáu nạn: Địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, Bắc châu, trời trường thọ sanh ở chỗ có nạn. Thế trí biện thông là nạn vì tâm cuồng loạn không bao giờ được nghe pháp. Tụng thứ ba có một nạn là các căn không đầy đủ. Gồm có tám nạn, nên không có thiện.

- Kinh: “Thường ở địa ngục cho đến đắc tội như thế ấy”.

- Tán: Có sáu hàng tụng. Nói chung, trải qua bốn đường; chịu quả tăng thượng, đặng lưu. Chia làm bốn: Nửa hàng đầu tụng về địa ngục. Nửa hàng tụng ngạ quỷ. Một hàng tụng súc sanh. Bốn hàng tụng người ác. Đây nêu ba phần đầu. Viên quán: Là lầu quán (quán trên lầu). Như

nhà gọi là quán. Đường ác khác là ngã quý v.v.... Vì chê bai chánh pháp nên ở nơi không thuận việc tu học, sanh vào cõi quý.

- Kinh: “Nếu được làm người cho đến lấy làm y phục.”

- Tán: Bốn hàng tụng của quả người ác. Có bốn:

Một hàng tụng các nghiêm ác.

Một hàng tụng các y phục xấu.

Nửa hàng tụng về hình trạng xấu.

Một hàng rưỡi tụng hành vi ác. Đây nói hai phần đầu. Á là âm không thể nói, âm là ngọng.

- Kinh: Thân thể thường hôi hám cho đến dắc tội như thế.

- Tán: Đây nói về hình trạng và việc làm xấu. Vì tham đắm ngã kiến sâu xa mà si mê tăng thượng. Tham sân cũng vậy.

- Kinh: “Bảo Xá-lợi-phất cho đến chỗ nói kinh này.”

- Tán: Trên là hai mươi tám hàng tụng nói về quả của sự không tin. Đây là hai hàng tụng kết lại.

- Kinh: “Nếu có người lợi căn cho đến thì có thể nói kinh này cho đến”

- Tán: Có mười chín hàng tụng. Đã chỉ cho biết sự phải trái xong, để cho người học biết mà tránh ác làm lành. Trên đã nói ba đoạn, nay là đoạn thứ tư mười chín hàng tụng nói: Ở chỗ có người hiểu biết thì nên nói pháp. Có hai phần:

1. Mười bảy hàng tụng: Nên nói tướng cho họ nghe.

2. Hai hàng sau kết lại. Mười bảy hàng đầu lại chia làm ba:

1. Một hàng tụng rưỡi: Từ lúc chưa phát tâm, đến nay, nhưng nghiệp đã có chủng tánh. Nên Phật nói kinh Pháp Hoa cho nghe.

2. Mười hàng tụng rưỡi: Tuy đã phát tâm có tu tập lục độ mà có thể nói pháp cho nghe.

3. Năm hàng tụng tuy có tánh tu tập lại có tâm trọng pháp cầu pháp mới có thể nói cho họ nghe pháp cho nghe.

Phần đầu nghiệp có sáu đức:

1. Lợi căn nghe thì mau hiểu.

2. Trí tuệ phân biệt phải trái.

3. Sáng suốt không có mê muội.

4. Học rộng trước đã có học.

5. Trí thức mạnh mẽ, tinh thần sáng khoái.

6. Nói kinh Pháp Hoa, Thích Cầu Phật đạo chẳng phải cầu đạo khác. Người thích vượt ra thế tục. Hoặc mong cầu giác ngộ, không thích ngu mê thì mới nói pháp.

- Kinh: Nếu lại từng thấy cho đến mới có thể nói pháp.
- Tán: Tuy đã phát tâm, mà có tu tập lục độ.
- Một hàng tụng rưỡi từng tu tập pháp thí.
- Một hàng tụng huân tập tinh tấn.
- Một hàng rưỡi tụng huân tập thiền định.
- Ba hàng tụng huân tập về giới.
- Một hàng rưỡi tụng huân tập về nhẫn.
- Hai hàng tụng huân tập về Tuệ.

Một hàng đầu nói: Từng đã gặp Phật huân tập pháp thí đã lâu xa, nên có thể vì họ mà nói. Phần dưới đây cũng nghiêm xét tùy theo sự việc như Bồ-tát địa thì mới kham nói.

- Kinh: “Nếu người tinh tấn cho đến mới nên nói cho họ nghe.”
- Tán: Một hàng tụng về cần, một hàng rưỡi tụng về định.
- Kinh: “Lại Xá-lợi-phất cho đến mới nên nói cho họ nghe.”
- Tán: Đây là ba hàng tụng về tu tập giới.

Một hàng tụng rưỡi nói về bỏ ác gần gũi duyên lành. Trong phẩm An Lạc Hạnh sẽ nói về tướng. Một hàng rưỡi sau tụng giữ tịnh giới vững chắc.

- Kinh: “Nếu người không sân cho đến có thể nói cho họ nghe.”
- Tán: Một hàng tụng rưỡi tu tập pháp nhẫn.

Hai hàng tụng về tuệ, an thọ ngay thẳng trong khổ nhẫn, nhẫn chịu sự oán hại nhẫn. Kính Phật và quán sát thật rõ pháp nhẫn.

- Kinh: “Nếu có Tỳ-kheo cho đến có thể vì họ mà nói.”
- Tán: Năm hàng tụng về cầu trọng pháp. Chia ra hai:

Hai hàng tụng rưỡi chuyên cầu Đại thừa.

Hai hàng rưỡi chân thật cầu Đại thừa.

Phần đầu lại có hai:

- Một hàng tụng về cầu pháp mà cung kính thọ.

- Một hàng tụng rưỡi không cầu kinh khác. Kinh khác là các kinh Tiểu thừa.

Kinh Thiệt Giới nói: Học nội điển Đại thừa chưa rốt ráo, thì không nên học các thừa khác. Còn đối với Tứ minh luận, nếu nội học đã rốt ráo, hằng ngày thường trong đó hai phần học Đại thừa nội minh, một phần các kinh khác. Còn trong kinh này hoàn toàn không cho học một bài kệ trong kinh khác. Y theo sơ học để thường chuyên cầu. Học lâu gồm cả tu.

- Kinh: Như người dốc lòng cho đến có thể nói cho họ nghe.
- Tán: Đây là nói chân thật cầu. Có hai:

-
1. Một hàng tụng về cầu pháp.
 2. Một hàng rưỡi nói không cầu. Dốc lòng đối với ngoại điển không xem nhẹ. Bỏ giáo pháp ngoại đạo, nên có thể nói cho họ nghe, lòng chí thành cảm thần, thì chắc chắn thành Thánh.
 - Kinh: “Bảo với Xá-lợi-phất! cho đến Diệu Pháp Liên Hoa.”
 - Tán: Đối với người hiểu biết thì nên nói cho họ nghe. Trong có hai: Trên là ứng vì nói tướng, ở đây là phần kết.

Tăng Viên Như Phòng viết xong tại chùa Hưng phước vào ngày 04 tháng 12 niên hiệu Bảo An năm thứ ba.

Chùa Pháp long, Tăng Giác Ấn, muốn chánh pháp tồn tại lâu dài, vãng sanh Cực lạc.

